

Hợp Đồng Mẫu - Phải Được Cập Nhật Tùy Trường Hợp Cụ Thể
Standard Form - To Be Updated As The Case May Be

NGÂN HÀNG SINOPAC
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(“Ngân Hàng”)

BANK SINOPAC
HO CHI MINH CITY BRANCH
(“Bank”)

[Tên Bên Vay]

[Borrower Name]

(“Bên Vay”)

(“Borrower”)

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TRUNG DÀI HẠN
MEDIUM-TERM AND LONG-TERM FACILITY
AGREEMENT

Số/No.: _____

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TRUNG DÀI HẠN NÀY (“**Hợp Đồng**”) được lập ngày _____ tháng _____ năm _____ bởi và giữa:

THIS MEDIUM-TERM AND LONG-TERM FACILITY AGREEMENT (the “Agreement”) is made on _____ by and between:

- (1) **NGÂN HÀNG SINOPAC, CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**, một chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp phép và hoạt động hợp lệ theo luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, theo (i) Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0303327614 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08/04/2022; và (ii) Giấy Phép Thành Lập Chi Nhánh Ngân Hàng Nước Ngoài do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày _____ và các chứng nhận điều chỉnh sau này (nếu có); có văn phòng tại Tầng 9 và một phần tầng 12, Tòa nhà Friendship Tower, số 31 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

***BANK SINOPAC, HO CHI MINH CITY BRANCH**, a foreign bank branch duly licensed and operating under the laws of the Socialist Republic of Vietnam, pursuant to (i) Enterprise Registration Certificate No.0303327614 first issued by the Planning and Investment Department of Ho Chi Minh City on 2 June 2004 and registered for its 11th amendment on 08 April 2022 and subsequent amendments (if any); with its head office located at 9th Floor and a part of 12th Floor, Friendship Tower, 31 Le Duan, District 1, Ho Chi Minh City, the Socialist Republic of Vietnam.*

Đại diện bởi/ Represented by: **Ông/Mr.** _____

Chức vụ/ Position: **Tổng Giám Đốc/ General Director**

(“**Ngân Hàng**”/the “**Bank**”)

VÀ/ AND

- (2) [**Tên Bên Vay**], một công ty được thành lập hợp lệ và tồn tại theo luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có mã số doanh nghiệp số: _____, có trụ sở tại _____.

*[**Borrower Name**], a company duly organized and existing under the laws of the Socialist Republic of Vietnam, business registration code: _____, with its head office located at _____.*

Đại diện bởi/ Represented by: **Mr./**

Chức vụ/ Position: _____/_____

Theo Giấy ủy Quyền số _____ ngày _____ do Người đại diện theo pháp luật cấp.

Pursuant to Power of Attorney No. _____ dated _____ issued by company’s legal representative.

(“**Bên Vay**”/ the “**Borrower**”)

XÉT RẰNG/ WHEREAS:

- (i) Bên Vay đã yêu cầu Ngân Hàng cung cấp một số khoản tín dụng ngân hàng như được nêu chi tiết từ Điều 2 của Hợp Đồng dưới đây theo Đơn Xin Vay hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương do Ngân Hàng phát hành được Bên Vay điền hợp lệ và nộp cho Ngân Hàng; và

The Borrower has requested the Bank to make available such credit facilities as detailed in Article 2 of this Agreement pursuant to the Loan Application or other equivalent documents issued by the Bank, duly completed by the Borrower and submitted to the Bank; and

- (ii) Ngân Hàng đã đồng ý cấp cho Bên Vay các khoản tín dụng ngân hàng được yêu cầu tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

The Bank has agreed to extend to the Borrower the requested credit facilities subject to the terms and conditions of this Agreement.

CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:

IT IS AGREED as follows:

1. ĐỊNH NGHĨA/ DEFINITIONS

Tại Hợp Đồng này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác:

In this Agreement, unless the context requires otherwise:

- 1.1. “Tài Liệu Cấp Vốn”** có nghĩa là bất kỳ văn bản thỏa thuận nào mà Ngân Hàng hoặc Bên Có Nghĩa Vụ là một bên tham gia nhằm thực hiện Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn Hợp Đồng này, Giấy Yêu Cầu Ứng Vốn, Hợp Đồng Bảo Đảm, Giấy Đề Nghị Phát Hành Thư Tín Dụng và/hoặc các văn bản có nội dung đề nghị phát hành thư tín dụng, các Điều Kiện và Điều Khoản sử dụng các dịch vụ do Ngân Hàng cung cấp trong phạm vi Hợp Đồng này và bất kỳ văn bản nào khác phát sinh và/hoặc được ký kết giữa Bên Vay và Ngân Hàng hoặc được một Bên theo Hợp Đồng này ký kết nhằm mục đích cho việc thực hiện Khoản Tín Dụng theo Hợp Đồng này;

"Facility Documents" mean any agreement to which the Bank or the Obligor is a party in order for the performance of this Agreement, including but not limited to this Agreement, the Application for Loan Disbursement Request, the Security Agreement, the Agreement on Guarantee Issuance, Application for Letter of Credit Issuance, the requests for negotiation of Bills, Terms and Conditions applicable to the services provided by the Bank in this Agreement, General Commercial Agreement and any other documents incurred and/or entered into between or amongst the Borrower and the Bank or to which a party to this Agreement is also a party for the purposes of performance of the Facilities in accordance with this Agreement

- 1.2. “Khoản Tín Dụng”** có nghĩa là khoản cấp tín dụng trung, dài hạn cụ thể mà Ngân Hàng cấp cho Bên Vay được quy định chi tiết theo Điều 2 của Hợp Đồng này theo quy định của pháp luật Việt Nam và phù hợp với các Tài Liệu Cấp Vốn;

"Facility" means each facility issued by the Bank to the Borrower are stipulated in details in Article 2 of this Agreement in pursuant to laws and regulation of Vietnam and the Facility Documents;

- 1.3. **“Khoản Tiền Ứng”** có nghĩa một khoản tiền cụ thể trong phạm vi của Khoản Tín Dụng được Ngân Hàng giải ngân cho Bên Vay hoặc một khoản tiền cụ thể của bất kỳ Khoản Tín Dụng nào được Ngân Hàng cấp, trả thay cho Bên Vay và/hoặc gia hạn cho Bên Vay theo Hợp Đồng này;

“Advance” means any amount of the proceeds of the Facility Limit disbursed by the Bank to the Borrower or any amount of any Facilities issued, paid on behalf of the Bank and/or renewed by the Bank for the account of the Borrower under this Agreement;

- 1.4. **“Bên Bảo Lãnh”** có nghĩa là bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào cam kết sẽ thực hiện toàn bộ và đầy đủ nghĩa vụ của Bên Vay đối với Ngân Hàng thay cho Bên Vay trong trường hợp khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà Bên Vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng này. Bên Bảo Lãnh bao gồm cả các tổ chức hoặc cá nhân dùng tài sản bảo đảm để thực hiện cam kết với Ngân Hàng.

“Guarantor” means any entity or individual commits to perform all and the entirety of the Borrower's obligations on behalf of the Borrower in the case that the Borrower fails to perform or fails to fully perform its obligations pursuant to this Agreement. The Guarantor shall also include any entity or individual using security assets in order to perform commitments towards the Bank;

- 1.5. **“Bên Có Nghĩa Vụ”** có nghĩa là Bên Vay và/hoặc Bên Bảo Lãnh (được gọi chung là **“Các Bên Có Nghĩa Vụ”**);

“Obligor” means the Borrower and/or the Guarantor (collectively, the “Obligors”)

- 1.6. **“Hợp Đồng Bảo Đảm”** có nghĩa là một và/hoặc các hợp đồng cầm cố tài sản hoặc thế chấp tài sản hoặc bảo lãnh do Bên Vay hoặc Bên Bảo Lãnh ký kết để bảo đảm cho việc Bên Vay thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này và Tài Liệu Cấp Vốn;

“Security Agreement” means an agreement of asset pledge and/ or mortgage or guarantee executed by the Borrower or a Guarantor to secure the Borrower's performance of its obligations under this Agreement and the Facility Documents;

- 1.7. **“Yêu Cầu Ứng Vốn”** có nghĩa là yêu cầu của Bên Vay, được thể hiện tại các văn bản theo mẫu do Ngân Hàng ban hành, đối với Ngân Hàng để giải ngân một Khoản Tiền Ứng theo Hợp Đồng này và Tài Liệu Cấp Vốn;

“Loan Disbursement Request” means a request of the Borrower, contained in the written form issued by the Bank in order to disburse an Advance in accordance with this Agreement and the Facility Documents;

- 1.8. **“Ngày Làm Việc”** có nghĩa là bất kỳ ngày nào (không phải Thứ Bảy hoặc Chủ Nhật hoặc các ngày được nghỉ bù hoặc các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam), mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa giao dịch tại Việt Nam với điều kiện ngày đó cũng phải là:

- 1.8.1. đối với giao dịch thanh toán thông qua hệ thống thanh toán của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, ngày Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam mở cửa làm việc; và
- 1.8.2. đối với giao dịch thanh toán không qua hệ thống thanh toán của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam, ngày mà hệ thống thanh toán sử dụng để thanh toán cho giao dịch đó có làm việc;

“Business Day” means any day (not including Saturday or Sunday or holidays according to the Vietnamese Law) on which banks are open for general business in Vietnam and subject to the condition that:

- 1.8.1. *for the transactions conducted via payment system of the State Bank of Vietnam, the day on which the State Bank of Vietnam is open for general business; and*
- 1.8.2. *for the transactions conducted outside the payment system of the State Bank of Vietnam, the day on which the payment system via which the transactions are conducted is open;*

- 1.9. **“Ngày Giải Ngân”** có nghĩa là bất kỳ Ngày Làm Việc nào mà vào thời điểm đó Ngân Hàng cấp một Khoản Tiền Ứng cho Bên Vay;

“Disbursement Date” means any Business Day on which an Advance is made available by the Bank for the account of the Borrower;

- 1.10. **“Ngày Hoàn Trả”** có nghĩa là ngày mà Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ Khoản Tiền Ứng đã được giải ngân theo Khoản Tín Dụng và các khoản tiền lãi, phí kèm theo cho Ngân Hàng phù hợp với Hợp Đồng này và Tài Liệu Cấp Vốn;

“Repayment Date” means each of the days pursuant to this Agreement and Facility Documents in which the Borrower is liable to pay the Bank all Advances disbursed under the Facility together with any interests and fees;

- 1.11. **“Thư Tín Dụng”** có nghĩa là bất kỳ thư tín dụng thương mại nào hoặc cam kết bảo lãnh ngân hàng nào do Ngân Hàng phát hành cho Bên Vay;

“Letter of Credit” means any commercial letter of credit or bank guarantee to be issued by the Bank for the account of the Borrower;

- 1.12. **“Sự Kiện Vi Phạm”** có nghĩa là bất kỳ và toàn bộ các sự kiện hoặc tình huống phát sinh được mô tả theo quy định tại Điều 10.1 của Hợp Đồng này;

“Event of Default” means any and all of the events or circumstances as prescribed in Article 10.1 of this Agreement;

- 1.13. **“Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể”** có nghĩa là các sự kiện hoặc tình huống xảy ra mà có thể có khả năng, một cách hợp lý, gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến (i) việc kinh doanh, hoạt động, tài sản, các điều kiện (điều kiện tài chính hoặc điều kiện khác) hoặc triển vọng kinh doanh của của một Bên Có Nghĩa Vụ, (ii) khả năng của một Bên Có Nghĩa Vụ để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo bất kỳ Tài Liệu Cấp Vốn nào, hoặc (iii) hiệu lực hoặc khả năng thực thi của Hợp Đồng này hay bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm

nào hoặc các quyền hoặc biện pháp khắc phục của Ngân Hàng theo Hợp Đồng này hay bất kỳ Hợp Đồng Bảo Đảm nào;

“Material Adverse Effect” means any event or circumstance occurring, which may, in a reasonable manner, cause a material adverse effect on (i) the business, operations, property, conditions (financial conditions and other conditions) or business prospects of an Obligor; (ii) the ability of an Obligor to perform its obligations under any Facility Document; or (iii) the validity or enforceability of this Agreement or any Security Agreement or the rights and remedies of the Bank under this Agreement or any Security Agreement;

- 1.14. **“LIBOR”** có nghĩa là lãi suất bình quân liên ngân hàng mà tại đó một số ngân hàng sẵn sàng cho ngân hàng vay khác trên thị trường tiền tệ London. LIBOR được công bố một lần mỗi ngày làm việc vào khoảng 11 giờ 45 phút sáng (giờ London) bởi Hiệp Hội Ngân hàng Anh (BBA);

“LIBOR” (BBALIBOR) is the average interbank interest rate at which a selection of banks on the London money market are prepared to lend to one another. The official LIBOR interest rates are announced once per working day at around 11:45 a.m. (London time) by the British Bankers' Association (BBA);

- 1.15. **“Đồng Tiền Tùy Chọn”** có nghĩa là bất kỳ loại tiền tệ nào ngoài USD; và

“Optional Currency” means any currency other than USD; and

- 1.16. **“USD”** có nghĩa là loại tiền tệ hợp pháp của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

“USD” denotes the lawful currency of the United States of America.

2. **KHOẢN TÍN DỤNG/ THE FACILITIES**

2.1. **Số Tiền Cấp Tín Dụng/ Facility Limit**

Tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này, Ngân Hàng đồng ý cấp Số Tiền Cấp Tín Dụng đối với Khoản Tín Dụng cho Bên Vay số tiền tối đa là [_____] (bằng chữ: _____), tùy thuộc vào khả năng có sẵn vốn của Ngân Hàng và quyền quyết định cao nhất của Ngân Hàng trong việc (i) rút lại Khoản Tín Dụng tại bất kỳ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do nào trong thời hạn của Số Tiền Cấp Tín Dụng; và (ii) yêu cầu Bên Vay phải hoàn trả ngay Khoản Tín Dụng khi có yêu cầu.

Subject to the terms and conditions of this Agreement, the Bank will apply a Facility Limit to the Facilities issued to the Borrower of up to the aggregate of [_____] (in words: _____), subject to the Bank's availability of funds and the Bank's overriding right to (i) withdraw the Facilities at any time and for any reason within the Term of the Facility Limit; and (ii) require the full repayment from the Borrower on demand.

2.2. **Thời hạn của Số Tiền Cấp Tín Dụng/ Term of the Facility Limit**

Thời hạn của Số Tiền Cấp Tín Dụng là [__] tháng kể từ Ngày Giải Ngân lần đầu tiên, phụ thuộc vào các gia hạn thêm, nếu có, ("Thời Hạn Của Số Tiền Cấp Tín Dụng"). Ngày

Giải Ngân tiếp theo Ngày Giải Ngân đầu tiên và Ngày Hoàn Trả phải nằm trong Thời Hạn Của Số Tiền Cấp Tín Dụng.

The term of the Facility Limit is _____ months from the First Disbursement Date, subject to any further extension (if any) (the "Term of the Facility Limit"). The Next Disbursement Date, followed the First Disbursement Date, and the Repayment Date must be prior to the expiry date of the Term of the Facility Limit.

- 2.3. Ngân Hàng có toàn quyền chủ động xem xét xác định lại Số Tiền Cấp Tín Dụng và Thời Hạn Của Số Tiền Cấp Tín Dụng, tùy thuộc vào khả năng của Ngân Hàng và tình hình thanh toán nợ, tình hình kinh doanh của Bên Vay vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng. Khi xác định lại Số Tiền Cấp Tín Dụng và Thời Hạn Của Số Tiền Cấp Tín Dụng, Ngân Hàng sẽ thông báo trước cho Bên Vay bằng văn bản.

The Bank is fully entitled to review the Facility Limit and the Term of the Facility Limit, subject to its capability and the business activities of the Borrower at any time within the term of validity of this Agreement. The Bank will send prior written notice to the Borrower with respect to any review of the Facility Limit and the Term of the Facility Limit.

2.4. Khoản Tiền Ứng/ Advance

Ngân Hàng có quyền (nhưng không là nghĩa vụ bắt buộc trong bất kỳ tình huống, điều kiện nào khác) cấp và giải ngân một Khoản Tiền Ứng cụ thể cho Bên Vay khi và chỉ khi các điều kiện tiên quyết sau đây được đáp ứng đầy đủ:

The Bank is entitled (but in any case is not obliged) to make available and disburse any Advance to the Borrower, subject to the fulfillment of the following conditions precedent:

- 2.4.1. Ngân Hàng đã nhận được Hợp Đồng này đã được ký kết đầy đủ và một Yêu Cầu Ứng Vốn của Bên Vay được thể hiện theo đúng biểu mẫu do Ngân Hàng phát hành với đầy đủ thông tin được điền;

The Bank will have received this Agreement with full execution and a complete and due Loan Disbursement Request from the Borrower in the form issued by the Bank;

- 2.4.2. Không có Sự Kiện Vi Phạm nào đã xảy ra và đang tiến diễn hoặc có nguy cơ phát sinh từ một Khoản Tiền Ứng đã được giải ngân trước đó và khoản giải ngân dự kiến;

No Event of Default occurs and is continuing or would result from any of the preceding Advances and the proposed Advance;

- 2.4.3. Không có Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể xảy ra đối với Bên Vay và/hoặc Bên Bảo Lãnh vào thời điểm Bên Vay gửi Yêu Cầu Ứng Vốn đến Ngân Hàng;

No Material Adverse Effect occurs to the Borrower and/or the Guarantor at the time the Loan Disbursement Request will have been submitted to the Bank;

- 2.4.4. Ngân Hàng đã nhận được nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị/Hội Đồng Thành Viên của Bên Vay chấp thuận Khoản Tín Dụng và đề nghị giải ngân Khoản Tiền Ứng (Nghị quyết phải theo mẫu do Ngân Hàng ban hành hoặc thỏa mãn đầy đủ các nội dung theo mẫu do Ngân Hàng ban hành);

The Bank will have received the resolutions of the Board of Management/Members' Council of the Borrower approving the Facility and the propose for disbursement of the Advance (in the form issued by the Bank or satisfactory to the Bank);

- 2.4.5. Hợp Đồng Bảo Đảm đã được ký kết và tất cả các tài liệu sở hữu liên quan đến các tài sản được bảo đảm được giao đầy đủ cho Ngân Hàng (trong trường hợp Ngân Hàng có yêu cầu phải có tài sản bảo đảm);

The Borrower will have executed and delivered to the Bank a Security Agreement and all title documents in respect of security assets (if security assets are required by the Bank);

- 2.4.6. Bên Vay đã cung cấp cho Ngân Hàng bất kỳ tài liệu và bằng chứng nào khác mà Ngân Hàng yêu cầu để phục vụ cho việc xem xét và giải ngân Khoản Tiền Ứng;

The Borrower will have provided to the Bank any such other documents and evidence as the Bank may require for the purpose of its consideration and disbursement of the Advance;

- 2.4.7. Thỏa Thuận Thương Mại Chung theo mẫu do Ngân Hàng ban hành đã được Bên Vay ký kết và xác nhận; và

General Commercial Agreement in the form issued by the Bank will have been executed and confirmed by the Borrower; and

- 2.4.8. Toàn bộ mọi khẳng định và đảm bảo được nêu tại Điều 8 của Hợp Đồng này là đúng sự thật trên mọi phương diện.

All representations and warranties as set out in Article 8 of this Agreement are true in all material aspects.

2.5. Thời Hạn Cho Vay/ Loan Term

- 2.5.1. Thời hạn cho vay ("**Thời Hạn Cho Vay**") là khoảng thời gian được tính từ Ngày Giải Ngân cho đến hết ngày liền kề trước Ngày Hoàn Trả. Trường hợp Ngày Hoàn Trả không phải là Ngày Làm Việc, thì chuyển sang Ngày Làm Việc ngay tiếp theo. Đối với Thời Hạn Cho Vay không đủ 01 (một) ngày thì được tính là 01 (một) ngày, kể cả trường hợp Bên Vay thanh toán nợ vay ngay trong Ngày Giải Ngân.

*Loan term (the "**Loan Term**") refers to a period of time commencing as from the Disbursement Date and ending on the day prior to the Repayment Date. Where the Repayment Date is not a Business Day, the next Business Day will be taken as the Repayment Day. If a Loan Term is not a full day, such Loan Term will be*

calculated as one day, including where the Borrower repays the debt in the same day with the Disbursement Date.

- 2.5.2. Thời gian ân hạn Khoản Tiền Ứng là: [] tháng, kể từ ngày Bên Vay rút Khoản Tín Dụng lần đầu căn cứ theo Yêu Cầu Ứng Vốn.

The grace period of the Advance is: [] month, from the date in which the Borrower make the first drawdown of the Facility, in accordance with the Loan Disbursement Request.

- 2.5.3. Thời gian ân hạn nợ lãi là: [] tháng, kể từ ngày Bên Vay rút Khoản Tín Dụng lần đầu căn cứ theo Yêu Cầu Ứng Vốn.

The grace period of the interest payment is: [] month, from the date in which the Borrower make the first drawdown of the Facility, in accordance with the Loan Disbursement Request.

- 2.5.4. Thời gian ân hạn Khoản Tiền Ứng /lãi là thời gian Bên Vay chưa thực hiện trả Khoản Tiền Ứng /lãi. Sau khi hết thời gian ân hạn, Bên Vay có nghĩa vụ trả đầy đủ Khoản Tiền Ứng /lãi theo lịch trả nợ cụ thể được quy định tại Hợp Đồng này và các Yêu Cầu Ứng Vốn. Các Bên có thể thỏa thuận việc cơ cấu lại Thời Hạn Cho Vay theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng theo nguyên tắc sau:

The grace period of the Advance/interest payment is the period of time in which the Borrower shall not perform the obligation of payment principal/interest of the advances. After the grace period, the Borrower shall perform the payment obligation in accordance with the payment schedule set out at this Agreement and Loan Disbursement Request. The grace period, payment schedule shall be adjusted and amended by both parties based on the following principles:

- a. Điều chỉnh Giai Đoạn Tính Lãi được quy định tại Điều 4.3 Hợp Đồng này và/hoặc kỳ hạn hoàn trả Khoản Tiền Ứng theo Điều 5.1 của Hợp Đồng này (“Kỳ Hạn Hoàn Trả Gốc”) là việc Ngân Hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ Khoản Tiền Ứng và/hoặc Tiền Lãi của Giai Đoạn Tính Lãi và/hoặc Kỳ Hạn Hoàn Trả Gốc đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số Giai Đoạn Tính Lãi và/hoặc Kỳ Hạn Hoàn Trả Gốc đã thỏa thuận), Thời Hạn Cho Vay không thay đổi;

Adjust the Interest Period as prescribed in Article 4.3 of this Agreement and or the Repayment Period of Advance as prescribed in Article 5.1 of this Agreement refers to the circumstances in which the Bank accepts to extend the repayment period for a part of or full of the Advance and/or interest amount of the Interest Period and/or the Repayment Period of Advance in accordance with the agreement (including circumstances in which the number of Interest Period and/or the Repayment Period of Advance are not changed), the Loan Term is not changed.

- b. Gia hạn Thời Hạn Cho Vay là việc Ngân Hàng chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả Khoản Tiền Ứng và/hoặc Tiền Lãi, vượt quá Thời Hạn Cho Vay đã thỏa thuận;

Extend the Loan Term refers to the circumstances in which the Bank accepts to extend the repayment period of the Advance and/or the Interest over the Loan Term set out in the Agreement.

- c. Việc cơ cấu lại Thời Hạn Cho Vay được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến Giai Đoạn Tính Lãi, và/hoặc Kỳ Hạn Hoàn Trả Gốc và/hoặc Thời Hạn Cho Vay đã thỏa thuận tại Hợp Đồng, tùy theo nội dung điều chỉnh tương ứng tại điểm a và b nêu trên.

Restructure the Loan Term shall be performed prior to or at 10 (ten) days before the maturity date of Interest Period, Repayment Period of Advance and/or Loan Term as set out in the Agreement as prescribed item a,b above.

2.6. Giải Ngân/ Disbursement

- 2.6.1. Trường hợp giải ngân một lần: Số Tiền Cấp Tín Dụng được giải ngân trong thời hạn tối đa [] ngày (hoặc ____ tháng) kể từ ngày ký Hợp Đồng này.

In case of one time disbursement: The Facility Limit shall be drawdowned within the limit period of [] days (or [] months) from the signing date of this Agreement.

- 2.6.2. Trường hợp giải ngân nhiều lần:

Multiple disbursement

Số Tiền Cấp Tín Dụng được giải ngân nhiều lần trong thời hạn tối đa [] ngày (hoặc ____ tháng) kể từ ngày ký Hợp Đồng này hoặc theo tiến độ được Ngân Hàng chấp thuận bằng văn bản. Quá thời hạn trên, nếu Bên Vay không nhận hết số tiền vay thì không được tiếp tục nhận phần tiền còn lại, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

The Facility Limit is disbursed multiple times within a maximum period of [] days (or ____ months) from the signing date of this Agreement or according to the written schedule set out by the Bank. Over the disbursement period, if the borrower does not make drawdown in full amount, the remaining amount shall not be disbursed unless otherwise agreed by both parties.

- a. Việc giải ngân khoản vay lần đầu tiên phải được thực hiện trong thời hạn tối đa [] ngày (hoặc ____ tháng) kể từ ngày ký Hợp Đồng này. Quá thời hạn này, nếu Bên Vay không rút bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào thì Bên Vay sẽ không được nhận toàn bộ Số Tiền Cấp Tín Dụng, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

The first disbursement of the Facility shall be made within the maximum period of [] days (or ____ months) from the signing date of this Agreement. Beyond

this time limit, if the Borrower does not withdraw any Advance, the entire Facility Limit shall be expired and not withdrawn, unless otherwise agreed by both parties.

- b. Mỗi lần nhận Khoản Tiền Ứng, Bên Vay ký Giấy Yêu Cầu Ứng Vốn, kèm theo các chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng Khoản Tín Dụng phù hợp với Điều 3.1 Hợp Đồng này. Tổng các Khoản Tiền Ứng là tổng số tiền được ghi trên tất cả các Giấy Yêu Cầu Ứng Vốn và không vượt quá Số Tiền Cấp Tín Dụng nêu tại Khoản 2.1 Điều này.

For each Advance, the borrower shall submit the Loan Disbursement Request, together with supporting documents proving the purpose of using the credit in accordance with Clause 2.6 of this Article. Total amounts of Advances is the total amount stated on all Loan Disbursement Request and does not exceed the Facility Limit set out at Clause 2.1 of this Article.

- 2.6.3. Bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào theo Khoản Tín Dụng sẽ được Ngân Hàng giải ngân và/hoặc cấp khi và chỉ khi các điều kiện như sau được thực hiện đầy đủ:

Any Advance under the Facility will be made available by the Bank if and only if the following conditions have been fully satisfied:

- a. chậm nhất là 10 giờ sáng hai (02) Ngày Làm Việc trước Ngày Giải Ngân dự kiến, Ngân Hàng đã nhận được Yêu Cầu Ứng Vốn và/hoặc các giấy đề nghị cung cấp dịch vụ tương ứng với từng loại hình của Khoản Tín Dụng (theo mẫu do Ngân Hàng ban hành) được Bên Vay ghi đầy đủ và ký hợp lệ; và

no later than 10:00 a.m. of the date being two (02) Business Days prior to the proposed Disbursement Date, the Bank will have received the respective Loan Disbursement Request and/or respective request for services provisions applicable to each form of the Facility duly completed and executed by the Borrower (in accordance with the form issued by the Bank); and

- b. vào hoặc trước Ngày Giải Ngân dự kiến, mọi điều kiện tiên quyết được quy định tại Điều 2.4 của Hợp Đồng này đã được Bên Vay đáp ứng đầy đủ hoặc được Ngân Hàng từ bỏ.

on or before the proposed Disbursement Date, all conditions precedent set out in Article 2.4 of this Agreement will have been satisfied by the Borrower or waived by the Bank.

3. MỤC ĐÍCH CỦA KHOẢN TÍN DỤNG/FACILITIES FORMS

3.1. Khoản Vay Trung Dài Hạn/ *medium-term and long-term loans*

- 3.1.1. Ngân Hàng sẽ cấp cho Bên Vay Khoản Vay Trung Dài Hạn bằng đồng Việt Nam với mục đích [_____] và/hoặc các hoạt động kinh doanh có liên quan hợp pháp của Bên Vay hoặc bằng USD với mục đích phục vụ cho hoạt động nhập khẩu của Bên Vay.

*The Bank shall make available **medium-term and long-term loans** in Vietnam dong for the purposes of import and export activities and/or for increase to the working capital of the Borrower or in USD for the purposes of import activities of the Borrower.*

- 3.1.2. Trường hợp Bên Vay được Ngân Hàng đồng ý cho vay bằng ngoại tệ, Bên Vay cam kết thực hiện các thủ tục cần thiết và tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam theo từng thời điểm.

Đồng tiền được Ngân Hàng giải ngân và Bên Vay thanh toán nợ sẽ thực hiện theo quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành tùy từng thời điểm.

In case, the Borrower is lent by the Bank in foreign currency, the Borrower undertakes to complete the requested procedures and complies with laws and regulation from time to times.

The currency applicable to the disbursement by the Bank and the repayment by the Borrower will be in accordance with the regulations issued by the State Bank of Vietnam from time to time.

3.2. Tín Dụng Chứng Từ/ Documentary Credit Facility

- 3.2.1. Nhằm thực hiện việc giải ngân theo Hợp Đồng này, Ngân Hàng sẽ phát hành Thư Tín Dụng để Bên Vay nhập khẩu vật liệu, nhiên liệu hoặc hàng tiêu dùng, thời hạn trả chậm không được vượt quá [_____].

The Bank will make available to the Borrower trade finance Facilities by issuance of Letters of Credit for import of material, fuel or consumer goods, the term of deferred payment cannot exceed [_____].

- 3.2.2. Trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này, Ngân Hàng sẽ phát hành các Thư Tín Dụng (loại thanh toán ngay khi xuất trình hoặc thanh toán đúng kỳ hạn) theo loại hình Tín Dụng Chứng Từ cho Bên Vay theo đề nghị của Bên Vay với điều kiện là:

During the term of this Agreement, the Bank will issue the Letters of Credit (at sight or usance) in the form of Documentary Credit for the account of the Borrower at the Borrower's request provided that:

- (a) Bên Vay phải cung cấp cho Ngân Hàng ít nhất hai (02) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến phát hành Thư Tín Dụng các tài liệu sau đây đã được Bên Vay ký kết hợp lệ và ghi đầy đủ theo mẫu và nội dung do Ngân Hàng yêu cầu:

at least two (02) Business Days prior to the proposed date of issuance of a Letter of Credit, the Borrower must provide to the Bank the following documents duly executed and completed by the Borrower in the form and substance required by the Bank:

- (i) Đơn Xin Cấp Tín Dụng Chứng Từ Không Hủy Ngang theo mẫu chuẩn của Ngân Hàng;

Application for an Irrevocable Documentary Credit in the Bank's standard form;

- (ii) Thỏa Thuận Thương Mại Chung của Ngân Hàng;

The Bank's General Commercial Agreement;

- (iii) Hợp Đồng Bảo Đảm đã được ký kết và tất cả các tài liệu sở hữu liên quan đến các tài sản được bảo đảm được giao đầy đủ cho Ngân Hàng hoặc ký quỹ để bảo đảm cho yêu cầu phát hành Thư Tín Dụng (nếu được yêu cầu); và

A pledge of deposits in the Borrower's accounts (if required); and

- (iv) Các tài liệu hoặc bằng chứng khác mà Ngân Hàng có quyền yêu cầu;

Such other documents or evidence as the Bank may require;

- (b) Bên Vay phải thanh toán phí phát hành Thư Tín Dụng và các chi phí hành chính khác mà Ngân Hàng công bố tại từng thời điểm;

the Borrower shall pay a fee applicable to issuance of Letters of Credit and other administration charges as quoted by the Bank from time to time;

- (c) Mỗi Thư Tín Dụng phải có ngày đến hạn thanh toán và/hoặc ngày hết hạn chậm nhất là [___] kể từ ngày được phát hành;

Each Letter of Credit shall have a maturity date and/or expiry date of no later than [___] from the date of issuance;

- (d) Việc phát hành và thanh toán Thư Tín Dụng sẽ tùy thuộc vào Hợp Đồng này, Thỏa Thuận Thương Mại Chung của Ngân Hàng, Đơn Xin Cấp Tín Dụng Chứng Từ Không Hủy Ngang và/hoặc các văn bản đề nghị tương tự và Quy Tắc và Thực Hành Thống Nhất về Tín Dụng Chứng Từ (Bản Sửa Đổi 2007), ICC 600 (hoặc bất kỳ ấn bản thay thế nào);

The issuance and payment of the Letters of Credit will be subject to this Agreement, the General Commercial Agreement of the Bank, Application for Irrevocable Documentary Credit and/or equivalent application the Uniform Customs and Practice for Documentary Credits (2007 Revision), ICC Publication 600 (or any replacement publication);

- (e) Bên Vay phải thanh toán cho Ngân Hàng một khoản phí đối với mỗi Thư Tín Dụng, như được Ngân Hàng ấn định tại từng thời điểm trong suốt thời gian mà Thư Tín Dụng liên quan chưa được thanh toán. Khoản phí này được tính theo ngày và phải thanh toán trước bằng USD hoặc VND khi phát hành Thư Tín Dụng;

The Borrower shall pay to the Bank a fee in respect of each Letter of Credit, as quoted by the Bank from time to time for the period during

which the relevant Letter of Credit is outstanding. Such fee shall be calculated daily and payable in advance on the issuance of the Letter of Credit in USD or VND.

- (f) Bên Vay có nghĩa vụ chuyển tiền hoặc ký Yêu Cầu Ứng Vốn để giải ngân Khoản Tiền Ứng theo điều kiện tại Hợp Đồng này nhằm mục đích chuyển tiền thanh toán đối với mỗi Thư Tín Dụng do Bên Vay đề nghị phát hành trong vòng [___] Ngày Làm Việc kể từ ngày Ngân Hàng thông báo cho Bên Vay về việc đã nhận bộ chứng từ liên quan đến Thư Tín Dụng. Trường hợp hết thời hạn nêu trên mà Bên Vay không thực hiện chuyển tiền hoặc ký Yêu Cầu Ứng Vốn để thanh toán cho Thư Tín Dụng được xem là một trong các trường hợp của Sự Kiện Vi Phạm.

The Borrower is liable to make the transfer or sign the Loan Disbursement Request to make drawdown for Advance to transfer the payment for each Letter of Credit issued in accordance with its request within [___] Business Days as from the date the Bank notifies the Borrower of its full receipt of the documents relating to the Letter of Credit. Upon the expiry of the term stated above, if the Borrower fails to fully transfer the payment or submit the Loan Disbursement Request for the relevant Letter of Credit, it shall be classified as an Event of Default as set forth in this Agreement .

- 3.2.3. Nếu có bất kỳ Thư Tín Dụng nào chưa được thanh toán sau khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm thì Ngân Hàng có quyền, tùy thuộc vào toàn quyền quyết định của Ngân Hàng, thực hiện: (i) trích bất kỳ tài khoản nào của Bên Vay mở tại Ngân Hàng để thực hiện thanh toán; và/hoặc (ii) Bên Vay có nghĩa vụ nhận Khoản Cho Vay Bắt Buộc và có nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân Hàng tổng số tiền bằng tổng Khoản Tiền Ứng của tất cả các Thư Tín Dụng chưa được thanh toán và các khoản tiền lãi, phí phát sinh liên quan đến các Khoản Tiền Ứng này theo quy định tại Hợp Đồng này và theo cam kết tại Giấy đề nghị phát hành Thư Tín Dụng đối với hình thức Cho Vay Bắt Buộc.

If any Letters of Credit are outstanding upon the occurrence of an Event of Default, the Bank, as its own discretion, to decide to: (i) Debit any accounts of the Borrower opened at the Bank to make the repayment; (ii) the Borrower shall owe the Compulsory Loan and be liable to immediately pay the Bank the aggregate amount equal to the total Advance of all outstanding Letters of Credit and any interest and fees incurred relating to such Advance stipulated in this Agreement applicable to Compulsory Loan.

Nếu Bên Vay không thanh toán trong thời hạn Cho Vay Bắt Buộc ("**Thời Hạn Cho Vay Bắt Buộc**") theo thông báo của Ngân Hàng, Ngân Hàng có toàn quyền xử lý, thu hồi lô hàng và bộ chứng từ liên quan đến Thư Tín Dụng đã phát hành; đồng thời Ngân Hàng có toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm cho nghĩa vụ theo Hợp Đồng này. Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân

Hàng phân chênh lệch trong trường hợp số tiền Ngân Hàng thu được từ việc chuyển nhượng bộ chứng từ liên quan đến Thư Tín Dụng đã phát hành hoặc từ việc bán hàng hoặc từ việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp Đồng Bảo Đảm cho nghĩa vụ theo Hợp Đồng này không đủ để thu hồi khoản nợ Cho Vay Bắt Buộc.

If the Borrower does not repay within the term of the Compulsory Loan (the "Compulsory Loan Term") in accordance with the notice of the Bank, the Bank is fully entitled to realize and take possession of the goods and any documents relating to the issued Letter of Credit. The Borrower is obliged to pay the Bank any difference if the amount generated by the Bank from the assignment of the documents relating to the issued Letter of Credit or the goods is not sufficient in order for the Bank to collect the Compulsory Loan.

Trong bất kỳ trường hợp nào mà Bên Vay phát sinh Khoản Cho Vay Bắt Buộc theo Hợp Đồng này thì Ngân Hàng có toàn quyền quyết định chấm dứt việc tiếp tục giải ngân các Khoản Tiền Ứng theo Hợp Đồng này; đồng thời có quyền thu hồi nợ trước hạn đối với các Khoản Tiền Ứng đã được giải ngân trước đó theo Hợp Đồng này.

In any case where the Borrower generates a Compulsory Loan under this Agreement, the Bank has the discretion to terminate the continuation of disbursement of the Amounts in accordance with this Agreement; and at the same time have the right to apply the early collection of debts to all Advances granted to the Borrower before the due date under this Agreement.

- 3.3. Bên Vay sẽ sử dụng Khoản Tín Dụng nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên Vay phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

The Borrower shall use the Facility for the purposes of its business and manufacturing activities, subject to the laws of Vietnam

4. **TIỀN LÃI VÀ PHÍ/ INTEREST AND FEES**

4.1. Phí liên quan đến Khoản Tín Dụng/ *Fee associated to the Facilities*

Bên Vay đồng ý rằng tất cả các khoản Phí liên quan đến Khoản Tín Dụng sẽ được Bên Vay thanh toán như sau:

The Borrower agrees that all interests, charges, commissions and fees in relation to the Facilities are to be paid by the Borrower as follows:

- 4.1.1. Phí liên quan đến dịch vụ Tín Dụng Chứng Từ sẽ được thanh toán theo thông báo/quy định do Ngân Hàng phát hành tại từng thời điểm;

Documentary Credit and incidental charges will be paid as per the notice/regulations provided by the Bank from time to time;

- 4.1.2. Phí liên quan đến dịch vụ cho vay sẽ được xác định theo biểu phí do Ngân Hàng phát hành tại từng thời điểm và/hoặc theo Thông Báo Về Cho Vay và/hoặc tại các Tài Liệu Cấp Vốn. Khoản phí này sẽ được thanh toán ngay lập tức ngay sau khi Ngân Hàng chấp thuận giải ngân hoặc ngay sau khi Bên Vay nộp hồ sơ yêu

cầu các Khoản Tín Dụng hoặc theo Thông Báo Về Cho Vay và/hoặc tại các Tài Liệu Cấp Vốn và được Ngân Hàng thực hiện bằng cách ghi nợ tài khoản tương ứng của Bên Vay tại Ngân Hàng;

Lending and incidental charges will be in accordance will be paid as per the tariff provided by the Bank from time to time and/or the Lending Notification and/or the Facility Documents. Such fees will be paid immediately after the Bank accepts the disbursement or after the Borrower submit application for Facility or in accordance with the Lending Notification and/or Facility Documents and will be charged by the Bank in the form of debit from the correspondent account of the Borrower opened with the Bank;

- 4.1.3. Phí giao dịch đối với các giao dịch ngoại hối sẽ được thanh toán theo biểu phí do Ngân Hàng ấn định tại từng thời điểm; và

Transaction charges for foreign exchange transactions will be paid as per the tariff provided by the Bank from time to time; and

- 4.1.4. Trong trường hợp Bên Vay không thanh toán đúng hạn hoặc không thanh toán đầy đủ bất kỳ khoản phí và các chi phí phát sinh liên quan đến các Khoản Tín Dụng thì phải chịu khoản phạt do vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Cấp Vốn với mức phí phạt là 05% áp dụng đối với toàn bộ số phí, chi phí chưa thanh toán. Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền phí, chi phí phát sinh liên quan và khoản phạt do vi phạm Hợp Đồng trong vòng [____] ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Ngân Hàng.

In case the Borrower fails to repay in accordance with the schedule or fails to fully repay any fees and charges accrued in relation to the Facilities, the Borrower is able to a penalty for breach of contractual obligation in accordance with this Agreement and/or the Facility Documents with a penalty rate of 05% of the total due fees and charges. The Borrower is liable to pay the entirety of any fees and charges accrued and any penalty amount thereof within ____ days as from the date of receiving the relevant written notice from the Bank.

- 4.2. Lãi suất cho vay ("**Lãi Suất Cho Vay**") áp dụng cho mỗi Khoản Tiền Ứng sẽ được xác định như sau:

*The interest rate (the "**Interest Rate**") applicable to each Advance shall be determined as follows:*

- 4.2.1. Lãi Suất Cho Vay là lãi suất được tính theo %/năm (1 năm có 365 ngày) được xác định như sau:

*The Interest Rate (the "**Interest Rate**") is in the form of percentage per annum (each annum shall have 365 days) and shall be determined as follows:*

- (a) Đối với Khoản Tiền Ứng được giải ngân bằng USD: Lãi Suất Cho Vay bằng [____]; và

With respect to any Advance disbursed in USD: The Interest Rate is equivalent to [____]; and

- (b) Đối với Khoản Tiền Ứng được giải ngân bằng đồng Việt Nam: Lãi Suất Cho Vay bằng [____].

With respect to any Advance disbursed in VND: The Interest Rate is _____%.

Trong mọi trường hợp, Lãi Suất Cho Vay không thấp hơn LIBOR kỳ hạn sáu tháng cộng với [____] %.

In any event, the Interest Rate will not be lower than the 6-month LIBOR plus _____%.

Lãi Suất Cho Vay cụ thể áp dụng đối với mỗi Khoản Tiền Ứng sẽ được Ngân Hàng xác định, và toàn quyền xác định trong mọi trường hợp, bằng một văn bản Thông Báo Về Cho Vay (và/hoặc một văn bản có nội dung tương tự) và được phát hành ngay sau khi Yêu Cầu Ứng Vốn của Bên Vay đã được Ngân Hàng chấp nhận hoặc được phát hành ngay sau khi Khoản Tiền Ứng tương ứng được giải ngân.

The Interest Rate applicable to each Advance will be determined by the Bank in its discretion in any circumstance, in the form of a written Lending Notification (and/or an equivalent written document) issued immediately after the acceptance by the Bank of the Loan Disbursement of the Borrower or the disbursement of the relevant Advice.

Lãi Suất Cho Vay sẽ được giữ cố định trong suốt mỗi một Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất.

The Interest Rate will not be subject to any change within each Interest Rate Determining Period.

- 4.2.2. Giai đoạn xác định lãi suất ("**Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất**") sẽ bắt đầu từ (và bao gồm) Ngày Giải Ngân và kết thúc vào ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi. Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất tiếp theo đối với một Khoản Tiền Ứng sẽ bắt đầu ngay sau ngày hết hạn của Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất trước đó. Mỗi Giai Đoạn Xác Định Lãi Suất sẽ tương ứng và áp dụng cho mỗi Khoản Tiền Ứng cụ thể được giải ngân.

*The interest determining period (the "**Interest Rate Determining Period**") will be as from the Disbursement Date (inclusive) to the last date of the Interest Period. The subsequent Interest Rate Determining Period with respect to an Advance will commence immediately after the expiry of the preceding Interest Rate Determining Period. Each Interest Rate Determining Period will be correspondent and applicable to each Advance disbursed.*

- 4.2.3. Điều chỉnh Lãi Suất Cho Vay / *Adjustment of the Interest Rate*

Lãi Suất Cho Vay sẽ được điều chỉnh vào Ngày Làm Việc đầu tiên của mỗi Giai Đoạn Tính Lãi, và được Ngân Hàng xác định, và toàn quyền xác định trong mọi trường hợp, bằng một văn bản Thông Báo Về Điều Chỉnh Lãi Suất (hoặc một văn bản có nội dung tương tự).

The Interest Rate will be adjusted on the first Business Day of each Interest Period by the Bank, in its discretion in any circumstance, in the form of a written Notice on Interest Adjustment (or an equivalent written document).

4.3. Giai Đoạn Tính Lãi/ *Interest Period*

- 4.3.1. Mỗi giai đoạn tính tiền lãi vay ("**Giai Đoạn Tính Lãi**") áp dụng đối với khoản tiền lãi trong hạn ("**Tiền Lãi**") kéo dài [một tháng], [02 tháng], [03 tháng] và/hoặc được xác định cụ thể tại các Tài Liệu Cấp Vốn được ký kết giữa Ngân Hàng và Bên Vay. Mỗi Giai Đoạn Tính Lãi đối với mỗi Khoản Tiền Ứng sẽ bắt đầu vào ngày tiếp theo của ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi trước đó.

*Each period ("**Interest Period**") for calculating the interest ("**Interest**") shall be [one month], [two months], [three months] and/or determined in the Facility Documents entered into between the Bank and the Borrower. Each Interest Period applicable to each Advance will commence on the subsequent day of the last day of the preceding Interest Period.*

- 4.3.2. Giai Đoạn Tính Lãi đầu tiên của Khoản Tiền Ứng sẽ bắt đầu vào Ngày Giải Ngân của Khoản Tiền Ứng đó đến ngày [__] của tháng đó hoặc ngày [__] của tháng tiếp theo đối với các Khoản Tiền Ứng được giải ngân sau ngày [__] của tháng đó hoặc ngày [__] của tháng thứ 2 của Giai Đoạn Tính Lãi hoặc ngày [__] của tháng thứ 3 của Giai Đoạn Tính Lãi hoặc ngày khác được xác định tại Tài Liệu Cấp Vốn.

The first Interest Period of an Advance will commence on the Disbursement Date of such Advance to the [__] day of the same month or the [__] day of the subsequent month if the Advance is disbursed after the [__] day of such month or the [__] day of the second month of the Interest Period or the [__] day of the third month of the Interest Period or another date determined by the Facility Documents.

- 4.3.3. Giai Đoạn Tính Lãi cuối cùng của Khoản Tiền Ứng sẽ được tính đến hết ngày liền kề trước ngày cuối cùng của Thời Hạn Cho Vay.

The last Interest Period of an Advance will be calculated up until the prior day of the last day of the Loan Term.

- 4.3.4. Nếu Giai Đoạn Tính Lãi kéo dài chưa đủ một (01) ngày sẽ được tính là một (01) ngày, kể cả trong trường hợp Bên Vay trả toàn bộ nợ gốc cùng với Ngày Giải Ngân.

If the Interest Period is not one (01) day in full, it will be considered as one (1) day, even when the Borrower has fully repaid the principal outstanding on the Disbursement Date.

- 4.3.5. Nếu Giai Đoạn Tính Lãi kết thúc vào một ngày không phải là Ngày Làm Việc, thì Lãi Suất Cho Vay áp dụng cho Giai Đoạn Tính Lãi tiếp theo là lãi suất được Ngân Hàng xác định tại thời điểm vào đầu ngày Ngày Làm Việc tiếp theo.

If an Interest Period would end on a day that is not a Business Day, the Interest Rate applicable to the next Interest Period shall be the interest rate determined by the Bank at the commencement of the next succeeding Business Day.

- 4.3.6. Trong trường hợp Bên Vay bị áp dụng hình thức Cho Vay Bắt Buộc thì Giai Đoạn Tính Lãi được xác định với khoảng thời gian theo Thông Báo Cho Vay Bắt Buộc do Ngân Hàng xác định, và toàn quyền xác định trong mọi trường hợp, và ban hành gửi cho Bên Vay.

If the Borrower is subject to the Compulsory Loan, the Interest Period will be determined by the Bank, in its discretion in any circumstances, in the form of a Notice on Compulsory Loan issued to the Borrower.

- 4.4. Bên Vay sẽ thanh toán Tiền Lãi cho mỗi Khoản Tiền Ứng vào Ngày Làm Việc cuối cùng của mỗi Giai Đoạn Tính Lãi liên quan ("**Ngày Thanh Toán Lãi**"). Nếu Ngày Thanh Toán Lãi không phải là Ngày Làm Việc thì Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo.

*The Borrower shall pay Interest in arrears on each Advance on the last Business Day of each relevant Interest Period (the "**Interest Payment Date**"). If the Interest Payment Date is not a Business Day, the Interest Payment Date shall be the next succeeding Business Day.*

4.5. Công thức xác định Tiền Lãi/ *Formula for calculating Interest*

Tiền Lãi bằng Σ [[Khoản Tiền Ứng nhân với Giai Đoạn Tính Lãi nhân với Lãi Suất Cho Vay] chia cho 365].

Interest will be Σ [[Advance multiplied by the Interest Period multiplied by Interest Rate] divided by 365].

4.6. Tiền phạt do chậm trả Tiền Lãi/ *Penalty applicable to overdue Interest payment*

Vào thời điểm hết ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi mà Bên Vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền Lãi thì Bên Vay phải thanh toán cho Ngân Hàng số tiền như sau:

At the end of the last date of the Interest Period, if the Borrower fails to pay or fails to fully pay the Interest, the Borrower is liable to pay the Bank:

- 4.6.1. Tiền phạt do chậm trả Tiền Lãi ("**Tiền Phạt Do Chậm Trả Lãi**") bằng [Tiền Lãi chưa được thanh toán nhân (x) với Giai Đoạn Tính Tiền Phạt Do Chậm Trả Lãi nhân với Lãi suất phạt do chậm trả lãi] chia (:) 365.

A penalty for overdue interest payment ("Overdue Interest Payment Penalty") equivalent to [the overdue Interest multiplied by Overdue Interest Penalty Period multiplied by the penalty interest rate applicable to overdue interest payment] divided by 365.

4.6.2. Lãi suất phạt do chậm trả lãi là lãi suất %/năm, bằng [____] % .

The penalty interest rate applicable to overdue interest payment is interest rate of percentage per annum, equivalent to [____]% ..

4.7. Giai đoạn tính Tiền Phạt Do Chậm Trả Lãi ("**Giai Đoạn Tính Tiền Phạt Do Chậm Trả Lãi**") được xác định vào ngày tiếp theo của ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi cho đến hết ngày mà vào ngày đó Bên Vay đã thanh toán toàn bộ các khoản Tiền Lãi chưa thanh toán và Tiền Phạt Do Chậm Trả Lãi.

*The period for calculating the Overdue Interest Penalty ("**Overdue Interest Penalty Period**") is the subsequent date of the last day of the Interest Period to the end of a day being the date where the Borrower has fully repay the overdue Interest and any Overdue Interest Penalty.*

4.8. Nếu vì bất kỳ lý do nào Ngân Hàng quyết định rằng không có đủ phương thức và không có phương thức nào công bằng để xác định LIBOR hoặc chi phí vốn áp dụng cho bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào hoặc bất kỳ phần nào trong Khoản Tiền Ứng đó hoặc bất kỳ khoản tiền nào khác có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn việc xảy ra trường hợp các ngân hàng trên Thị Trường Liên Ngân Hàng Luân Đôn không công bố bất kỳ LIBOR nào hoặc LIBOR bằng không hay dưới dạng số âm) trong một Giai Đoạn Tính Lãi hoặc khoảng thời gian khác có liên quan, Bên Vay đồng ý rằng (i) Ngân Hàng sẽ áp dụng một lãi suất thay thế do Ngân Hàng ấn định hợp lý liên quan đến các Khoản Tiền Ứng chưa được thanh toán; và (ii) Ngân Hàng có quyền không giải ngân thêm bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào.

If for any reason the Bank determines that adequate and fair means do not exist for ascertaining LIBOR or cost of funds applicable to any Advance or any part thereof or other relevant sum (including but not limited to the occurrence of an event where LIBOR is not quoted by any bank in the London Interbank Market or LIBOR is zero or negative) during an Interest Period or other relevant period, the Borrower agrees that (i) the Bank shall apply an alternative interest rate reasonably determined by the Bank in relation to the outstanding Advances and (ii) the Bank may cancel any further Advance.

4.9. Bên Vay sẽ thanh toán và hoàn lại cho Ngân Hàng tất cả các phí tổn và chi phí mà Ngân Hàng có thể phải chịu liên quan đến việc gia hạn và/hoặc buộc thực thi Hợp Đồng này. Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn theo thông báo bằng văn bản của Ngân Hàng và sẽ chịu phạt do vi phạm việc thanh toán các khoản tiền này theo quy định của pháp luật.

The Borrower shall pay and reimburse the Bank for all costs and expenses which may be incurred by the Bank in connection with the extension and/or enforcement of this Agreement.

- 4.10. Ngân Hàng có toàn quyền, nhưng không có nghĩa vụ, thay đổi các mức lãi suất (bao gồm nhưng không giới hạn Lãi Suất Cho Vay, Lãi suất phạt do chậm trả lãi), phí áp dụng đối với Bên Vay theo quy định tại Điều này để nhằm bảo đảm việc Ngân Hàng tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam được ban hành/ thay đổi trong từng thời điểm. Khi có bất kỳ sự thay đổi nào về lãi suất và phí, Ngân Hàng sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Vay.

The Bank is fully entitled, but is not obliged to adjust the interest rate and fees (including but not limited to Interest Rate, penalty interest rate for overdue interest payment) applicable to the Borrower in accordance with this Article in order to ensure its compliance with the laws of Vietnam as issued and amended from time to time. Any adjustment to the interest and fee will be notified in writing to the Borrower.

5. **HOÀN TRẢ TIỀN VAY GỐC; TRẢ NỢ TRƯỚC; CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ VÀ CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN/ LOAN REPAYMENT AND PREPAYMENT; DEBT RESCHEDULING AND DELINQUENT DEBT**

- 5.1. Mỗi Khoản Tiền Ứng (tiền vay gốc) (dù bằng USD hoặc VNĐ) được Ngân Hàng giải ngân cho Bên Vay sẽ được hoàn trả thành [_____] đợt bằng nhau liên tục mỗi [_____] (tháng/quý) bắt đầu từ tháng thứ [_____] kể từ Ngày Giải Ngân đầu tiên và phải được hoàn trả đầy đủ vào Ngày Hoàn Trả được quy định cụ thể tại các Tài Liệu Cấp Vốn.

Each Advance (principal outstanding) (whether in USD or VND) disbursed by the Bank under the Facility shall repaid on _____ times with equal amounts in consecutive _____ (month/quarter) beginning at the ___th month from the First Disbursement Date and must be fully repaid at the Repayment Date stipulated in the Facility Documents.

- 5.2. Nếu bất kỳ Ngày Hoàn Trả nào không rơi vào một Ngày Làm Việc, thì Ngày Hoàn Trả là Ngày Làm Việc tiếp theo. Khi đó, Tiền Lãi vẫn được tính cho đến hết Ngày Hoàn Trả được xác định vào Ngày Làm Việc tiếp theo.

If any of the Repayment Date is not a Business Day, the Repayment will be the next succeeding Business Day. At that time, Interest shall still be calculated until the Repayment Date being the succeeding Business Day.

- 5.3. Trong trường hợp Khoản Tiền Ứng và/hoặc Khoản Cho Vay Bắt Buộc và/hoặc bất kỳ khoản tiền vay gốc nào khác mà Bên Vay phải thanh toán theo Hợp Đồng này và/hoặc theo các Tài Liệu Cấp Vốn không được thanh toán đúng hạn vào Ngày Hoàn Trả và/hoặc thanh toán không đầy đủ vào Ngày Hoàn Trả thì Ngân Hàng sẽ:

In the event of any Advance and/or any Compulsory Loan and/or any principal outstanding which the Borrower is liable to repay in accordance with this Agreement and/or the Facility Documents are not or not fully repaid on the Repayment Date, the Bank is entitled to:

- 5.3.1. Chuyển toàn bộ Khoản Tiền Ứng sang nợ quá hạn; và

Commence the delinquency procedures with respect to the entirety of the Advance; and

5.3.2. Lãi suất cho vay quá hạn ("**Lãi Suất Cho Vay Quá Hạn**") sẽ áp dụng cho tất cả các Khoản Tiền Ứng phải thanh toán nêu trên theo Hợp Đồng này và/hoặc theo các Tài Liệu Cấp Vốn với mức là 150% Lãi Suất Cho Vay theo quy định tại Điều 4.1 của Hợp Đồng này được xác định và áp dụng tại thời điểm Khoản Tiền Ứng chưa được thanh toán bị chuyển sang nợ quá hạn.

*Delinquent interest rate (the "**Delinquent Interest Rate**") will be applicable to all Advances in accordance with this Agreement and/or the Facility Documents at the rate of 150% of the Interest Rate stipulated in Article 4.2 of this Agreement as applicable at the time the Advance is considered overdue.*

5.4. Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán tất cả khoản tiền lãi quá hạn ("**Tiền Lãi Quá Hạn**") phát sinh trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng. Tiền Lãi Quá Hạn sẽ được tiếp tục tính cho đến hết ngày mà vào ngày đó Bên Vay đã thanh toán toàn bộ và đầy đủ các Khoản Tiền Ứng chưa thanh toán ("**Thời Hạn Thanh Toán Lãi Quá Hạn**").

*The Borrower is liable to pay all of the overdue interest (the "**Delinquent Interest**") accruing within seven (7) days as from the date of receiving of a written request from the Bank. The Delinquent Interest will be calculated until the day where the Borrower has fully repaid the unpaid Advance (the "**Period for Payment of Delinquent Interest**").*

Tiền Lãi Quá Hạn bằng [Khoản Tiền Ứng chưa được thanh toán nhân (x) với Lãi Suất Cho Vay Quá Hạn nhân (x) với Thời Hạn Thanh Toán Lãi Quá Hạn]/365.

Delinquent Interest is [overdue Advance multiplied by Delinquent Interest Rate multiplied by Period for Payment of Delinquent Interest] divided by 365.

5.5. Ngân Hàng có quyền đồng ý bằng văn bản sau khi nhận được chỉ thị của Bên Vay, theo toàn quyền quyết định của mình phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan, về việc gia hạn bất kỳ Ngày Hoàn Trả Tiền nào thêm một khoảng thời gian mà Ngân Hàng cho rằng là phù hợp, với điều kiện là Ngân Hàng đã nhận được đề nghị gia hạn như vậy bằng văn bản từ Bên Vay ít nhất một (01) tháng trước Ngày Hoàn Trả của Khoản Tiền Ứng được gia hạn.

The Bank may agree in writing upon receipt of the instruction of the Borrower in its absolute discretion and in accordance with the relevant legal provisions, to extend any of the Repayment Date for such period as they think fit, provided that the Bank shall have received a written request for such extension from the Borrower at least one (01) month before the relevant Repayment Date.

5.6. Vào Ngày Hoàn Trả và/hoặc vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc ngày mà các khoản thanh toán khác (bao gồm nhưng không giới hạn, các loại phí, chi phí, tổn thất của Ngân Hàng theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Cấp Vốn) đến hạn thanh toán, Bên Vay đồng ý ủy quyền không hủy ngang và chỉ thị cho Ngân Hàng tự động ghi nợ vào tài khoản USD và/hoặc tài khoản bằng Đồng Việt Nam và/hoặc tài khoản bằng Đồng Tiền Tùy Chọn của Bên Vay mở tại Ngân Hàng để hoàn trả toàn bộ số tiền đến hạn đó hoặc

Bên Vay sẽ chuyển số tiền đến hạn đó cho Ngân Hàng trước 12 giờ trưa (giờ Việt Nam) vào ngày mà số tiền đó đến hạn nếu được Ngân Hàng thông báo đồng ý.

On the relevant Repayment Date, Interest Payment Date and/or the date of any other payments (including but not limited to, fees, expenses or damages incurred to the Banks in accordance with this Agreement and/or the Facility Documents) due from time to time hereunder, the Borrower hereby authorizes and instructs the Bank to automatically debit from the Borrower's USD accounts and/or VND accounts and/or Optional Currency accounts with the Bank to repay the amount due or the Borrower shall remit the amount due to the Bank by 12 a.m. (Vietnam time) on the date the amount is due if so notified by the Bank.

- 5.7. Nếu không có đủ tiền trong tài khoản hoặc các tài khoản của Bên Vay hoặc nếu số tiền mà Ngân Hàng nhận được từ Bên Vay hoặc số tiền từ việc xử lý tài sản bảo đảm cho Khoản Tín Dụng không đủ để hoàn trả toàn bộ (các) số tiền đến hạn liên quan theo Hợp Đồng này và/hoặc theo các Tài Liệu Cấp Vốn vào bất kỳ ngày nào đến hạn phải thanh toán thì Ngân Hàng sẽ sử dụng từng phần tiền thanh toán để giải trừ các nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng này và/hoặc theo các Tài Liệu Cấp Vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:

If there are insufficient funds in the Borrower's account or accounts or if the amount received by the Bank from the Borrower or from the realization of the assets secured for the Facility is insufficient to repay the relevant amount(s) due hereunder and/or in accordance with the Facility Documents in full on any date on which payment is due, the Bank shall apply the partial payment to discharge the obligations of the Borrower under this Agreement in the following order:

- 5.7.1. Đối với Khoản Tiền Ứng (tiền vay gốc) chưa bị chuyển sang nợ quá hạn:

With respect to any Advance (the principal outstanding) which has not yet been considered as delinquent debt:

- a) thứ nhất, để thanh toán và cho việc thanh toán các phí tổn, chi phí, các khoản phạt do vi phạm Hợp Đồng này và/hoặc vi phạm theo các Tài Liệu Cấp Vốn và các khoản phí liên quan các Khoản Tín Dụng;
firstly, in or towards payment of cost, expenses and penalties due to breach of this Agreement and/or the Facility Documents and other relevant fees relating to the Facility;
- b) thứ hai, để thanh toán cho Tiền Phạt Do Chậm Trả Lãi;
secondly, in or towards payment of Overdue Interest Penalty;
- c) thứ ba để thanh toán cho Tiền Lãi Quá Hạn;
thirdly, in or towards payment of Delinquent Interest;
- d) thứ tư, để thanh toán Tiền Lãi; và
fourthly, in or towards payment of Interest; and

- e) thứ năm, để hoàn trả Khoản Tiền Ứng (tiền vay gốc).
fifthly, in or towards payment of Advance (principal amount).

5.7.2. Đối với Khoản Tiền Ứng (tiền vay gốc) bị chuyển sang nợ quá hạn:

With respect to Advance (principal outstanding) considered as overdue:

- a) thứ nhất, để hoàn trả Khoản Tiền Ứng (tiền vay gốc);
firstly, in or towards payment of Advance (principal outstanding);
- b) thứ hai, để thanh toán và cho việc thanh toán các phí tổn, chi phí, các khoản phạt do vi phạm Hợp Đồng này và/hoặc vi phạm theo các Tài Liệu Cấp Vốn và các khoản Phí liên quan Khoản Tín Dụng;
secondly, in or towards payment of cost, expenses and penalties due to breach of this Agreement and/or the Facility Documents and other relevant fees relating to the Facility;
- c) thứ ba, để thanh toán cho Tiền Phạt Do Chậm Trả Lãi;
thirdly, in or towards payment of Overdue Interest Penalty;
- d) thứ tư, để thanh toán cho Tiền Lãi Quá Hạn; và
fourthly, in or towards payment of Delinquent Interest; and
- e) thứ năm, để thanh toán Tiền Lãi.
fifthly, in or towards payment of Interest.

Ngân Hàng có toàn quyền tự quyết thay đổi trình tự sử dụng tiền thanh toán trên nếu Ngân Hàng cho rằng là phù hợp.

The Bank is fully entitled, in its discretion, to vary the order of application above as it sees appropriate.

Ngân Hàng ưu tiên thực hiện thu nợ theo thứ tự Khoản Tiền Ứng (tiền vay gốc) đã quá hạn, thu Tiền lãi trên Khoản Tiền Ứng đã quá hạn chưa trả, thu Khoản Tiền Ứng đến hạn, thu Tiền Lãi trên Khoản Tiền Ứng đến hạn chưa trả.

The Bank shall collect debts according to this order: payment of overdue Advance (principal outstanding), unpaid interest on overdue principal outstanding, due principal outstanding, and unpaid interest on principal outstanding when due.

5.8. Bên Vay có quyền trả một phần hoặc toàn bộ Khoản Tiền Ứng (tiền vay gốc) trước Ngày Hoàn Trả như sau:

The Borrower will be entitled to partially or fully prepay the Advance (principal outstanding) prior to the Repayment Date as follows:

- 5.8.1. Các khoản trả trước hạn chỉ có thể được thực hiện vào ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi tương ứng và phải có văn bản thông báo trước ít nhất năm (05) Ngày Làm Việc cho Ngân Hàng;

Prepayments may only be made on the last day of the Interest Period and with not less than 5 (five) Business Days' prior written notice to the Bank;

- 5.8.2. Trong trường hợp Khoản Tiền Ứng được trả trước hạn toàn bộ hoặc một phần không theo điều Điều 5.8.1 trên đây mà không có sự đồng ý trước của Ngân Hàng, thì Bên Vay sẽ phải trả một khoản tiền phạt trả trước cho Ngân Hàng để đủ bù đắp những thiệt hại mà Ngân Hàng gánh chịu do việc thanh toán trước này gây ra.

In the event that the Advance is partially or fully prepaid other than as set forth in Article 5.8.1 above without the prior agreement of the Bank, the Borrower is required to pay a prepayment penalty to sufficiently cover the Bank's loss caused by this prepayment.

Khoản tiền phạt do trả nợ trước hạn được xác định như sau [_____].

The prepayment penalty is as follows _____.

- 5.9.** Khoản Tín Dụng sẽ được xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ (đối với Khoản Tiền Ứng và/hoặc các khoản Tiền Lãi) theo quy định của pháp luật Việt Nam, trên cơ sở đề nghị của Bên Vay, khả năng tài chính của Ngân Hàng và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của Bên Vay.

The Facility (with respect to the Advance and/or the Interest) may be considered for rescheduling in accordance with the laws of Vietnam, the Borrower's request, the financial capability of the Bank and the assessment of the Borrower's capability to repay debt.

Bên Vay phải có văn bản thông báo về việc yêu cầu Ngân Hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc cho Ngân Hàng kể từ ngày đến hạn trả nợ gốc/lãi đã thỏa thuận.

The Borrower is required to notify the Bank in writing of the debt at least fifteen (15) Business Days as from the agreed date on which principal outstanding/interest repayment is due.

- 5.10.** Nợ quá hạn/ *Delinquent debt*

5.10.1. Ngân Hàng sẽ chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 5.3 của Hợp Đồng này và Bên Vay không được Ngân Hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Ngân Hàng sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên Vay về việc chuyển nợ quá hạn. Nội dung thông báo sẽ ít nhất bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn.

The Bank shall perform delinquency procedures in accordance with the Article 5.3 of this Agreement and rescheduling is not accepted by the Bank. The Bank shall notify the Borrower in writing of such delinquency. That notification shall include at least the following contents: outstanding amount of overdue principal, time of delinquency of such debt and interest rate charged for that overdue principal outstanding.

5.10.2. Trong trường hợp Bên Vay không thanh toán đầy đủ, đúng hạn một phần hoặc toàn bộ Khoản Tiền Ứng và/hoặc Tiền Lãi theo thỏa thuận với Ngân Hàng thì Ngân Hàng sẽ thực hiện các biện pháp phân loại nợ đối với toàn bộ tất cả các khoản nợ của Bên Vay phát sinh tại Ngân Hàng và cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay theo quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam.

In the event that the Borrower fails to timely and fully a part or the entirety of the Advance and/or Interest agreed upon with the Bank, the Bank is entitled to perform debt classification procedures with respect to all of the debts of the Borrower incurring with the Bank and provide the Borrower's credit information in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam.

6. NHÂN NỢ BẮT BUỘC/ DEBENTURES

6.1. Ngân Hàng, với toàn quyền quyết định, sẽ hạch toán ghi nợ vào tài khoản Cho Vay Bắt Buộc đối với số tiền đã trả thay cho Bên Vay trong các trường hợp sau đây:

The Bank, in its discretion, shall debit from the Compulsory Loan account with respect to any amount it has paid on behalf of the Borrower, in the following circumstances:

6.1.1. Ngân Hàng thực hiện thanh toán Thư Tín Dụng mà Ngân Hàng đã phát hành cho người thụ hưởng thay cho Bên Vay trong trường hợp Ngân Hàng phát hành Thư Tín Dụng theo Điều 3.2 Hợp Đồng này.

Payment is paid to the beneficiary by the Bank on behalf of the Borrower with respect to the Letter of Credit issued by the Bank in the event that the Bank provides facility in the form of issuance of the Letter of Credit in accordance with Article 3.2 of this Agreement.

6.1.2. Ngân Hàng thực hiện mua bảo hiểm thay cho Bên Vay cho tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm phải bắt buộc mua bảo hiểm.

The Bank pays insurance premium on behalf of the Borrower with respect to the security assets in the event that the security assets are subject to compulsory insurance requirements.

6.1.3. Ngân Hàng chi trả các chi phí hợp lý, có bằng chứng rõ ràng về chi phí, để nhằm mục đích duy trì Khoản Tín Dụng và/hoặc bảo quản, bảo vệ tài sản bảo đảm cho Khoản Tín Dụng.

The Bank pays reasonable expenses with clear evidences thereof, in order to maintain the Facility and/or to protect and maintain the security assets relating to the Facility.

6.2. Chứng từ chứng minh việc Ngân Hàng đã thực hiện trả thay cho Bên Vay các khoản có liên quan theo Điều 6.1 nêu trên được xem như bằng chứng xác thực, và Ngân Hàng không có nghĩa vụ phải chứng minh, về việc Bên Vay nhận nợ đối với Ngân Hàng cho dù Bên Vay có ký kết các văn bản xác nhận nợ hay không.

Written evidence evidencing that the Bank has, on behalf of the Borrower, made the relevant payments stipulated in Article 6.1 above will be considered as confirmed

evidence and the Bank is not liable to provide evidence of the debenture of the Borrower towards the Bank, regardless the execution of the Borrower in the debenture documents.

- 6.3.** Bên Vay có nghĩa vụ hoàn trả ngay số tiền mà Ngân Hàng đã trả thay theo thông báo bằng văn bản của Ngân Hàng. Bên Vay đương nhiên nhận nợ Cho Vay Bắt Buộc, vô điều kiện đối với bất kỳ số tiền nào Ngân Hàng đã trả thay mà Bên Vay chưa hoàn trả lại.

The Borrower is liable to immediately repay any amount that the Bank has paid on its behalf in accordance with written notice from the Bank. The Borrower automatically and unconditionally owes the Compulsory Loan to the Bank with respect to any amount which the Bank has paid on its behalf but has not yet been repaid to the Bank.

- 6.4.** Trường hợp Cho Vay Bắt Buộc, Ngân Hàng toàn quyền quyết định áp dụng các điều kiện nhận nợ Khoản Cho Vay Bắt Buộc dưới đây đối với Bên Vay:

In case of Compulsory Loan, the Bank is fully entitled to apply the following conditions to the Compulsory Loan:

- 6.4.1. Thời Hạn Cho Vay Bắt Buộc: theo quyết định của Ngân Hàng tùy từng thời điểm và được thông báo bằng văn bản cho Bên Vay. Thời điểm bắt đầu Thời Hạn Cho Vay Bắt Buộc đối với Khoản Cho Vay Bắt Buộc tương ứng là kể từ ngày tiếp theo của ngày mà Ngân Hàng thực hiện thanh toán thay Bên Vay;

The Compulsory Loan Term will be decided by the Bank from time to time and notified in writing to the Borrower. The relevant Compulsory Loan Term is as from the date the Bank has made payments on behalf of the Borrower;

- 6.4.2. Kỳ hạn trả nợ (nếu có); và

The repayment term (if any); and

- 6.4.3. Lãi suất Cho Vay Bắt Buộc: theo quy định tại Điều 5.3.2 của Hợp Đồng này.

The Compulsory Loan interest rate will be in accordance with Article 5.3.2 of this Agreement.

- 6.5.** Sau Thời Hạn Cho Vay Bắt Buộc quy định tại Điều 6.4.1, nếu Bên Vay không trả được các Khoản Tiền Ứng, các khoản tiền lãi phát sinh (bao gồm Tiền Lãi, Tiền Lãi Quá Hạn và Tiền Phạt Do Chậm Trả Lãi) của Khoản Cho Vay Bắt Buộc, phí và các chi phí phát sinh thì Ngân Hàng được toàn quyền thực hiện trích tiền từ tất cả các loại tài khoản của Bên Vay do Ngân Hàng quản lý và thực hiện các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm để thu nợ.

Subsequent to the Compulsory Loan Term stipulated in Article 6.4.1, if the Borrower fails to pay the Advance and the interest incurred from the Compulsory Loan (including Interest, Delinquent Interest and Overdue Interest Payment Penalty) and other associated expenses, the Bank is fully entitled to withdraw from any accounts of the

Borrower managed by the Bank and realise the security assets in order to collect the debt.

7. BIÊN PHÁP BẢO ĐẢM/ SECURITY

7.1. Bên Vay, bằng Hợp Đồng này, cam kết cung cấp cho Ngân Hàng biện pháp bảo đảm cho các Khoản Tiền Ứng được thực hiện theo Hợp Đồng này dưới hình thức, nhưng không giới hạn, cầm cố hoặc thế chấp các tài sản của mình (kể cả nhưng không giới hạn giá trị quyền sử dụng đất, bất động sản, động sản, các tài sản được hình thành sau khi mua lại và các tài sản hình thành trong tương lai) để ký kết Hợp Đồng Bảo Đảm và các tài liệu khác như có thể được Ngân Hàng yêu cầu tại bất kỳ thời điểm nào liên quan đến việc ký kết, đăng ký và hoàn tất các tài liệu trên và tiến hành các bước tiếp theo mà Ngân Hàng cho là cần thiết để duy trì biện pháp bảo đảm được cung cấp bởi các tài liệu đó.

The Borrower hereby undertakes to provide the Bank with security for the Advances made pursuant to this Agreement by way of but not limited to the provision of a pledge or mortgage of its assets (including but not limited to the value of land use right, immovable assets, movable assets, after- acquired assets and future assets) to execute the Security Agreements and other documents as may be requested by the Bank at any time in connection with the execution, registration and perfection of the same and to take such further steps as are deemed necessary by the Bank to maintain the security thereby provided.

7.2. Bên Vay sẽ cung cấp thêm bất kỳ biện pháp bảo đảm bổ sung nào dưới hình thức đưa ra bảo lãnh do Bên Bảo Lãnh cấp cho Ngân Hàng và bảo lãnh đó sẽ được bảo đảm bằng thế chấp hoặc cầm cố bất kỳ tài sản nào khác của Bên Bảo Lãnh cho Ngân Hàng như có thể được Ngân Hàng yêu cầu và tiến hành mọi hành động cần thiết để các biện pháp bảo đảm bổ sung đó có hiệu lực.

The Borrower shall provide any additional security by way of securing a guarantee issued by the Guarantor in favor of the Bank and such guarantee shall also be secured by a mortgage or pledge over any other assets of the Guarantor to the Bank as may be requested by the Bank and shall take all necessary actions as may be required to give effect to the same.

7.3. Việc Bên Vay thực hiện đúng hạn và nghiêm túc các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này sẽ được bảo đảm bằng biện pháp bảo đảm được hình thành theo Hợp Đồng Bảo Đảm dưới hình thức thỏa mãn Ngân Hàng.

The due and punctual performance by the Borrower of its obligations under this Agreement shall be secured by security created pursuant to the Security Agreements in the form satisfactory to the Bank.

8. KHẲNG ĐỊNH VÀ ĐẢM BẢO/ REPRESENTATIONS AND WARRANTIES

Bên Vay bằng Hợp Đồng này khẳng định và đảm bảo rằng:

The Borrower hereby represents and warrants that:

- 8.1.** Bên Vay được thành lập hợp lệ, có hiệu lực tồn tại và có tình hình hoạt động tốt theo luật pháp Việt Nam, có đầy đủ quyền hạn để sở hữu các tài sản của mình, thực hiện công việc kinh doanh và các hoạt động hiện đang tiến hành của mình;

it is a company duly organized and validly existing and in good standing under the laws of Vietnam with power to own its assets, carry on its business and operations as they are now being conducted;

- 8.2.** Bên Vay có đầy đủ quyền hạn và có thẩm quyền và quyền hợp pháp để ký kết và tham gia vào các giao dịch được dự liệu tại theo Hợp Đồng này và bất kỳ biện pháp bảo đảm nào đối với Khoản Tín Dụng mà Bên Vay là một bên tham gia; và đã tiến hành hoặc có được mọi hành động và phê chuẩn cần thiết trong phạm vi công ty và các hành động và phê chuẩn cần thiết khác để cho phép ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và biện pháp bảo đảm đối với Khoản Tín Dụng;

it has full power, and has authority and legal right to enter into and engage in the transactions contemplated by this Agreement and any security for the Facilities to which it is a party, and has taken or obtained all necessary corporate and other actions and consents to authorize the execution and performance of the Agreement and security for the Facilities;

- 8.3.** Hợp Đồng này và (các) Hợp Đồng Bảo Đảm liên quan tạo thành và sẽ tạo thành trong thời gian tồn tại Khoản Tín Dụng và (các) Hợp Đồng Bảo Đảm, các nghĩa vụ có hiệu lực pháp lý, có tính ràng buộc và có tính bắt buộc thi hành đối với mỗi Bên Có Nghĩa Vụ hoặc Bên Vay tham gia ký các Hợp Đồng liên quan;

this Agreement and all the related Security Agreement(s) constitute, and will constitute during the subsistence of the Facility and the Security Agreement(s) to constitute legal valid, binding and enforceable obligations of each Obligor or the Borrower who signs the respective Agreements;

- 8.4.** Mỗi Bên Có Nghĩa Vụ đã xin được mọi sự cho phép của bất kỳ cơ quan nhà nước nào hay cơ quan khác hoặc của những người sở hữu bất kỳ quyền lợi phúc lợi nào đối với hoặc các bên cho vay của Bên Vay về việc ký kết, hiệu lực và việc thực hiện Hợp Đồng này cũng như tất cả các Hợp Đồng Bảo Đảm liên quan, mà sự cho phép đó được yêu cầu về mặt pháp lý hoặc cần thiết phải có;

each Obligor has obtained all authorizations from any governmental or other authority or from the owners of any beneficial interest in or creditors of the Borrower for the execution, validity, and performance of this Agreement and all related Security Agreement, which are legally required or which would be prudent to obtain;

- 8.5.** Không có kiện tụng, các thủ tục trọng tài hoặc xử lý hành chính hoặc khiếu nại nào đang được tiến hành, chờ xử lý hoặc đang có nguy cơ chống lại mỗi Bên Có Nghĩa Vụ hoặc các tài sản hay doanh thu hay công ty liên kết hay bất kỳ công ty trực thuộc nào của Bên Có Nghĩa Vụ đó;

no litigation, arbitration or administrative proceedings or claims are currently taking place or pending or threatening against each Obligor or its assets or revenues or affiliates or any of its subsidiaries;

- 8.6.** Mỗi Bên Có Nghĩa Vụ không được vi phạm bất kỳ luật, quy chế, phán quyết, lệnh, sự cho phép, thỏa thuận hoặc các nghĩa vụ nào được áp dụng cho Bên Có Nghĩa Vụ đó hoặc tài sản hay doanh thu của mình;

each Obligor is not in violation of any laws, regulations, judgment, orders, authorization, agreement or obligations applicable to it or its assets or revenue; and

- 8.7.** Mỗi Bên Có Nghĩa Vụ phải bảo đảm rằng tại mọi thời điểm các khiếu nại của Ngân Hàng đối với Bên Vay theo Hợp Đồng này ít nhất được xếp ngang hàng với khiếu nại của tất cả các bên cho vay không được bảo đảm khác;

each Obligor shall ensure that at all times the claims of the Bank against the Borrower under the Agreement rank at least pari passu with the claims of all its other unsecured creditors;

- 8.8.** Tổng vốn đầu tư của Bên Vay kể cả các Khoản Tín Dụng và vốn pháp định của Bên Vay sẽ được duy trì phù hợp với các điều khoản trong giấy phép đầu tư của Bên Vay và luật pháp Việt Nam;

the total investment capital of the Borrower, including the Facilities and its legal capital will remain in accordance with the terms of the Borrower's investment license and the laws of Vietnam;

- 8.9.** Việc thực thi các quyền và các nghĩa vụ của mỗi Bên Có Nghĩa Vụ theo Hợp Đồng này không và sẽ không:

the execution of the rights and obligations of each Obligor under this Agreement does not and will not:

- 8.9.1. mâu thuẫn với bất kỳ thỏa thuận hoặc văn kiện khác trong đó Bên Có Nghĩa Vụ đó là một bên tham gia và có tính ràng buộc Bên Có Nghĩa Vụ đó hoặc bất kỳ tài sản nào của Bên Có Nghĩa Vụ đó; hoặc

conflict with any agreement or other instrument to which it is a party and which is binding upon it or any of its assets; or

- 8.9.2. mâu thuẫn với Điều lệ công ty, các hợp đồng liên doanh, hợp đồng hợp tác đầu tư của Bên Có Nghĩa Vụ đó, hoặc bất kỳ quy định hay quy chế đang áp dụng nào; và

conflict with its Charter, joint venture contract, business cooperation contract or any applicable rules and regulations; and

- 8.10.** Việc ký kết hay giao Hợp Đồng này hoặc việc thực hiện hay tuân thủ bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này không vi phạm hoặc làm cho vi phạm bất cứ luật, nghị định, quy chế, pháp lệnh, thông tư hoặc lệnh nào của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các cơ quan hay phương tiện hoặc chính quyền địa phương của nước Cộng Hòa

Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, bất kỳ điều lệ, quy định nội bộ nào hoặc các văn kiện tương tự khác của mỗi Bên Có Nghĩa Vụ, và bất kỳ quy định nào trong bất kỳ Hợp Đồng tín dụng nào có tính ràng buộc mỗi Bên Có Nghĩa Vụ.

there is no law, decree, regulation, ordinance, circular, or order of the Socialist Republic of Vietnam and its agencies or instrumentalities, or its local government, no charter, by-laws or similar instruments of each Obligor and no provision of any loan agreements binding on each Obligor which would contravene or be contravened by the execution or delivery of this Agreement or the performance or observance of any of the terms of this Agreement.

- 8.11.** Nghĩa vụ của Bên Vay trong việc hoàn trả các Khoản Tín Dụng và/hoặc thanh toán các khoản chi phí, bồi hoàn hoặc bất kỳ khoản nào khác cho Ngân Hàng là nghĩa vụ tuyệt đối và vô điều kiện trong mọi trường hợp, bất kể có tranh chấp giữa Bên Vay với Ngân Hàng hoặc tranh chấp giữa Bên Vay với bất kỳ bên nào khác.

The obligations of the Borrower on making repayment of the Facilities and/or payment of any costs, indemnities and any other amounts to the Bank is absolute and unconditional in any event, regardless any disputes between the Borrower and the Bank or between the Borrower and any other parties.

9. CAM KẾT/ COVENANTS

- 9.1.** Bên Vay cam kết và sẽ cam kết rằng mỗi Bên Có Nghĩa Vụ sẽ:

The Borrower will and shall procure that each Obligor will:

- 9.1.1. tại từng thời điểm sẽ cung cấp cho Ngân Hàng hồ sơ pháp lý của mỗi Bên Có Nghĩa Vụ, bất kỳ báo cáo tài chính, các tài liệu chứng minh mục đích và phương án sử dụng các Khoản Tín Dụng, các chứng từ/hợp đồng làm cơ sở để Ngân Hàng cấp các Khoản Tín Dụng và bất kỳ các tài liệu nào liên quan đến việc cấp Khoản Tín Dụng mà Ngân Hàng có quyền yêu cầu. Mỗi Bên Có Nghĩa Vụ cam kết tất cả các thông tin được cung cấp đều là sự thật và chính xác và chịu trách nhiệm đối với các văn bản/thông tin đã được cung cấp cho Ngân Hàng;

from time to time provide the Bank with its legal documents, any financial statements, any documents indicating the purposes ad plan for use of the Facilities, any documents/agreements for the basis of Facilitie granting by the Bank and any documents relating to the grating of the Facilities as the Bank may request. Each Obligor undertakes that all the provided information is true and correct and is liable to any documents provided to the Bank;

- 9.1.2. nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng về bất kỳ Vi Phạm nào hoặc bất kỳ kiện tụng, thủ tục trọng tài hay xử lý hành chính nào liên quan đến Bên Có Nghĩa Vụ đó;

promptly give written notice to the Bank of any Default or any litigation , arbitration or administrative proceedings relating to the Obligor;

- 9.1.3. duy trì việc tồn tại công ty của Bên Có Nghĩa Vụ đó và tiến hành công việc kinh doanh theo cách thức phù hợp và hiệu quả và tuân thủ mọi luật, quy chế, sự cho phép, thỏa thuận và nghĩa vụ được áp dụng cho Bên Có Nghĩa Vụ đó, và thanh toán mọi khoản thuế được ấn định cho Các Bên Có Nghĩa Vụ khi đến hạn thanh toán;

maintain its corporate existence and conduct its business in a proper and efficient manner and in compliance with all laws, regulations, authorizations, agreements and obligations applicable to it and, pay all taxes imposed on the Obligor when due;

- 9.1.4. thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng về bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Điều lệ công ty hoặc các tài liệu thành lập khác của Bên Có Nghĩa Vụ đó mà có thể ảnh hưởng đến quyền của Ngân Hàng trong vòng mười lăm (15) Ngày Làm Việc kể từ ngày có sửa đổi hoặc bổ sung;

notify the Bank in writing any amendment or supplement to the Obligor's Charter or other corporate documents which may affect the Bank's right within 15 Business Days from the amendment or supplement date;

- 9.1.5. duy trì và giữ biện pháp bảo đảm và/hoặc các tài sản bảo đảm trong tình trạng tốt, thanh toán đúng hạn mọi khoản tiền thuế, phí liên quan đến tài sản bảo đảm thuộc nghĩa vụ của Bên Có Nghĩa Vụ sở hữu tài sản;

maintain and keep security and/or security assets in good order and punctually pay all duties and fees relating to the security assets payable by the Obligor possessing the assets;

- 9.1.6. phải tuân thủ việc thực thi biện pháp bảo đảm. Bên Vay đồng ý rằng sau khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm như được quy định tại Hợp Đồng này hoặc tại Hợp Đồng Bảo Đảm, Ngân Hàng sẽ có quyền bắt buộc thực thi ngay lập tức bất kỳ biện pháp bảo đảm nào mà Bên Vay đã cung cấp cho Ngân Hàng, bao gồm nhưng không giới hạn biện pháp cản trừ các khoản nợ vào số dư tài khoản của Bên Vay, yêu cầu thực thi bảo lãnh và/hoặc bán các tài sản được bảo đảm mà không có bất kỳ giới hạn nào khác; và

comply with the enforcement of security. The Borrower agrees that, following an occurrence of an Event of Default as set forth in this Agreement or in a Security Agreement, the Bank shall have a right to enforce immediately any security the Borrower provided the Bank by way of, including but not limited to, deducting the debts against the Borrower's account balances, making demands on guarantees and/or selling security assets without any further restriction; and

- 9.1.7. Bên Vay có nghĩa vụ phối hợp với Ngân hàng cung cấp đầy đủ, chính xác các tài liệu liên quan đến Khoản Tín Dụng để Ngân Hàng thực hiện thẩm định và quyết định việc cấp tín dụng, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Vay.

Responsibilities of the Borrower for cooperating with the Bank and providing documents regarding the Facilities in order for the Bank to assess application for and grant a decision to offer a facility, inspect and supervise use of borrowed fund and debt repayment of the Borrower.

- 9.2. Chống rửa tiền:** Bất kỳ và tất cả mọi hoạt động của Bên Vay, các công ty con của Bên Vay và công ty liên kết của Bên Vay đang và tại mọi thời điểm đã tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về báo cáo và lưu giữ tài chính đang áp dụng và luật chống rửa tiền và các quy định và quy chế về chống rửa tiền và bất kỳ quy định, quy chế hoặc hướng dẫn nào tương tự hoặc có liên quan được ban hành, thi hành hoặc thực thi bởi bất kỳ cơ quan chính quyền nào có thẩm quyền đối với Bên Vay, đối với bất kỳ công ty con nào của Bên Vay hoặc đối với các công ty liên kết của Bên Vay hoặc (gọi chung là “**Luật Chống Rửa Tiền**”) và không có bất kỳ hành động, vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng nào bởi hoặc trước bất kỳ tòa án hoặc cơ quan chính phủ, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan hoặc trọng tài nào liên quan đến Bên Vay, đến công ty con của Bên Vay, đến công ty liên kết của Bên Vay hoặc liên quan đến Luật Chống Rửa Tiền đang chờ xử lý hoặc, theo sự hiểu biết tốt nhất của Bên Vay, có nguy cơ được tiến hành.

Anti money laundering: Any and all of the activities of the Borrower, its subsidiaries and its affiliates, at any time, strictly comply with the applicable financial report and filing requirements and the law on anti money laundering and other regulations on anti money laundering and any other similar or relevant regulations or guidelines issued, enforced or performed by any governmental authorities having jurisdiction with respect to the Borrower, its subsidiaries and its affiliates (collectively, "Anti Money Laundering Laws") and there are no actions, proceedings or juridical procedures conducted with any courts or governmental authorities or relevant authorities or arbitral organizations against the Borrower, its subsidiaries and its affiliates relating to the Anti Money Laundering Laws which are pending, or in the best knowledge of the Borrower, are threaten to be conducted.

9.3. Tuân thủ FATCA/ FATCA Compliance:

9.3.1. “FATCA” có nghĩa là:

"FATCA" means:

- a) các điều khoản từ 1471 đến 1474 của Bộ Luật Doanh Thu Nội Bộ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ năm 1986 (*US Internal Revenue Code of 1986*) hoặc bất cứ các quy định liên quan nào;

clause 1471 to clause 1474 of the US Internal Revenues Code of 1986 or any other relevant regulations;

- b) bất cứ các hiệp định, luật hoặc các quy định nào được ban hành tại bất cứ vùng tài phán nào khác hoặc liên quan đến một hiệp định liên chính phủ giữa Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ (US) và vùng tài phán khác (trong bất cứ trường hợp nào) để tạo điều kiện thực hiện các luật hoặc các quy định tại đoạn (a) ở trên; hoặc

any other treaties, laws or regulations issued in any other jurisdiction or relating to a joint governmental treaty entered into between the United States and other jurisdictions (in any event) in order to facilitate the enforcement of the laws or regulations referred to in paragraph (a) above; or

- c) bất cứ thỏa thuận nào để thực hiện bất cứ các hiệp định, luật, các quy định được dẫn chiếu tại đoạn (a) hoặc (b) ở trên với Dịch Vụ Doanh Thu Nội Bộ Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ (*US Internal Revenue Service*) hoặc chính phủ Hoa Kỳ hoặc cơ quan chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền về thuế ở bất cứ vùng tài phán nào khác.

any agreement in order to enforce any treaty, law and regulations referred to in paragraphs (a) and (b) above with the US Internal Revenue Services or the United States government or any other governmental or tax authority of any other jurisdiction.

- 9.3.2. Trong vòng _____ Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Ngân Hàng, Bên Vay có nghĩa vụ cung cấp các văn bản tài liệu và các thông tin khác liên quan đến tình trạng của mình theo quy định của FATCA nhằm mục đích chứng minh Bên Vay tuân thủ các yêu cầu của FATCA; đồng thời thực hiện việc điền đầy đủ các biểu mẫu có liên quan đến việc tuân thủ FATCA và gửi đến Ngân Hàng.

Within _____ Business Days as from the date of receipt of the Bank's request, the Borrower is liable to provide written documents and other information relating to its status in accordance with FATCA for the purposes of evidencing its compliance to the FATCA requests; and simultaneously complete all of the relevant forms relating to the FATCA compliance for sending to the Bank.

- 9.3.3. Ngân Hàng có quyền thực hiện việc khấu trừ các tài khoản (kể cả tài khoản vay) của Bên Vay để thực hiện các yêu cầu tuân thủ FATCA trong trường hợp xác định Bên Vay thuộc đối tượng bị khấu trừ tài khoản theo FATCA.

The Bank is entitled to deducts any amount (including the loan) of the Borrower in order to comply with FATCA in case the Borrower is subject to the account deduction in accordance with FATCA.

9.4. [Các Cam Kết Tài Chính]/ [Financial Covenants]

10. SỰ KIỆN VI PHẠM VÀ HẬU QUẢ/ EVENTS OF DEFAULT AND CONSEQUENCES

- 10.1.** Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được xem là một Sự Kiện Vi Phạm theo Hợp Đồng này và các Tài Liệu Cấp Vốn liên quan:

Any of the following shall be deemed an Event of Default under this Agreement and the related Security Agreements:

- 10.1.1. Bên Có Nghĩa Vụ không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn hoặc phải thanh toán theo Hợp Đồng này hoặc theo các Tài Liệu Cấp Vốn liên quan bằng đồng tiền và theo cách thức được quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc theo các Tài Liệu Cấp Vốn; hoặc

The Obligor fails to pay any sum when due or payable hereunder or under the related Facility Documents, in the currency and in the manner specified herein and/or the Facility Documents; or

- 10.1.2. Bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào không thực hiện hoặc không tuân thủ hợp lệ và nghiêm túc bất kỳ nghĩa vụ hoặc cam kết tương ứng nào của mình đối với Ngân Hàng theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Tài Liệu Cấp Vốn liên quan nào mà Bên Có Nghĩa Vụ đó là một bên tham gia; hoặc

Any Obligor fails to duly and punctually perform or comply with any of its respective obligations or undertaking to the Bank hereunder or under any related Facility Documents to which it is a party; or

- 10.1.3. Bất kỳ khẳng định hoặc cam kết nào được lập hoặc xem như được lập bởi bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào tại hoặc liên quan đến Hợp Đồng này hoặc tại các Tài Liệu Cấp Vốn hoặc tại bất kỳ thông báo, chứng nhận, văn kiện hoặc văn bản báo cáo nào theo Hợp Đồng này, là hoặc được chứng minh là không chính xác hoặc có sai lệch; hoặc

Any representation or undertaking made or deemed to be made by any Obligor in or in connection with this Agreement or in the Facility Documents or in any of its notice, certificate, instrument or written statement pursuant thereto is or proves to have been incorrect or misleading; or

- 10.1.4. Bên Có Nghĩa Vụ vi phạm hoặc nhận được thông báo vi phạm theo bất kỳ Hợp Đồng nào hoặc bất kỳ khoản nợ nào của Bên Có Nghĩa Vụ trở nên đến hạn và phải thanh toán trước ngày đến hạn cụ thể (ngoài lý do vì tính bất hợp pháp của khoản nợ đó) hoặc bất kỳ biện pháp cầm giữ, bảo lãnh hoặc biện pháp bảo đảm khác do Bên Có Nghĩa Vụ hiện tạo ra hoặc sau này sẽ tạo ra trở nên có tính bắt buộc thực thi; hoặc

An Obligor defaults or receives notice of default under any agreement, or any of its indebtedness becomes due and payable prior to its specified maturity (other than by reason of an illegality in relation to such indebtedness) or any charge, guarantee or other security now or hereafter created by the Obligor becomes enforceable; or

- 10.1.5. Bên Vay ngừng hoặc ngưng thanh toán cho các bên cho vay khác hoặc không có khả năng hoặc thừa nhận không còn khả năng thanh toán nợ của Bên Vay đó khi đến hạn hoặc tìm cách ký kết bất kỳ thỏa hiệp nào hay thu xếp khác với các bên cho vay, hoặc Bên Vay đang trong tình trạng có khả năng bị phá sản, hoặc bị tuyên bố phá sản hay vỡ nợ; hoặc

An Obligor stops or suspends payments to its creditors or is unable or admits its inability to pay its debts as they fall due or seeks to enter into any composition or other arrangement with its creditors, or is on the brink of the bankruptcy or is declared or becomes bankrupt or insolvent; or

10.1.6. Bất kỳ đơn xin nào được nộp hoặc một thủ tục tố tụng được tiến hành hoặc một nghị quyết có hiệu lực được thông qua hoặc một bước nào khác được thực hiện bởi bất kỳ người nào nhằm mục đích thanh lý, cơ cấu lại, xây dựng lại, giải thể hoặc phá sản một Bên Có Nghĩa Vụ; hoặc

A petition is filed or a proceeding is commenced or an effective resolution is passed or another step is taken by any person for the winding-up, reorganization, reconstruction, dissolution or bankruptcy of an Obligor; or

10.1.7. Tại bất kỳ thời điểm nào và vì bất cứ lý do nào, việc bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào thực thi hoặc thực hiện hoặc tuân thủ bất kỳ hoặc tất cả các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này; hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào được áp dụng cho Các Khoản Tín Dụng trở nên bất hợp pháp; hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của bất cứ Bên Có Nghĩa Vụ nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Tài Liệu Cấp Vốn liên quan nào không có hoặc không còn tính hợp pháp, hiệu lực và tính ràng buộc; hoặc

At any time and for any reason it is or becomes unlawful for any Obligor to exercise or perform or comply with any or all of its obligations under this Agreement; or any security applicable to the Facilities becomes unlawful; or any of the obligations of any Obligor under this Agreement or any related Security Agreements is not or ceases to be legal, valid and binding; or

10.1.8. Bất kỳ bên nào tiến hành thủ tục pháp lý chống lại một Bên Có Nghĩa Vụ hoặc bất kỳ cam kết hay tài sản nào của Bên Có Nghĩa Vụ đó; hoặc

Any party institutes legal proceedings against an Obligor or against any of the undertakings or assets of the Obligor; or

10.1.9. Bên Có Nghĩa Vụ ngừng hoặc có nguy cơ ngừng tiến hành hoạt động kinh doanh hoặc bất kỳ phần đáng kể nào trong hoạt động kinh doanh của mình, hoặc thay đổi hoặc có nguy cơ thay đổi tính chất hay phạm vi kinh doanh của mình, hoặc một Bên Có Nghĩa Vụ xử lý hoặc có nguy cơ xử lý bất kỳ phần đáng kể nào trong hoạt động kinh doanh hoặc tài sản của mình, hoặc một Bên Có Nghĩa Vụ có sự thay đổi quyền kiểm soát; hoặc

An Obligor ceases or threatens to cease to carry on its business or any substantial part thereof, or changes or threatens to change the nature of scope of its business, or an Obligor disposes of or threatens to dispose of any substantial part of its business or assets, or an Obligor has any change of control; or

10.1.10. Bên Vay ngừng sử dụng khu đất và/hoặc bị bất kỳ bên thứ ba nào có thẩm quyền tịch thu và/hoặc bị ngăn chặn sử dụng khu đất mà trên đó hiện đang tiến hành các hoạt động kinh doanh của mình; hoặc

The Borrower ceases to use the land on which its business operations are presently conducted and/or such land has been revoked by a third party and/or the Borrower is prevented to use such land;

10.1.11. Chính phủ hoặc cơ quan chính phủ Việt Nam quy định giới hạn về việc hoàn trả nợ hoặc phong tỏa tài sản, quốc hữu hóa, tịch thu, thu giữ hoặc kiểm soát hoặc bằng cách khác trưng dụng toàn bộ hoặc phần đáng kể của cải, tài sản hoặc hàng tồn kho của Bên Có Nghĩa Vụ hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào khác mà có thể ngăn cản đáng kể không cho Bên Có Nghĩa Vụ tiếp tục kinh doanh theo cách thức mà Bên Có Nghĩa Vụ hiện được chỉ thị; hoặc

The government or any governmental agency of Vietnam imposes restriction on repayment of debts or freezes assets, nationalizes, seizes, takes custody or control over or otherwise expropriates all or a substantial part of the property, assets or stock of the Obligor or any other action that would prevent the Obligor from carrying on operations substantially in the manner as the Obligor is presently directed; or

10.1.12. Có bất kỳ sửa đổi, bãi bỏ, từ bỏ hoặc thu hồi nào được áp dụng đối với Điều lệ công ty của Bên Có Nghĩa Vụ hoặc bất kỳ tài liệu thành lập nào của Bên Có Nghĩa Vụ mà có thể ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Tài Liệu Cấp Vốn nào liên quan; hoặc

There is any amendment, abrogation, abandonment or revocation of an Obligor's Charter or any of its corporate documents which may affect the execution and implementation of this Agreement or any related Facility Documents; or

10.1.13. Một Sự Kiện Vi Phạm của bất kỳ Bên Có Nghĩa Vụ nào trong việc thực hiện, tuân thủ hoặc đáp ứng bất kỳ điều khoản nào của bất cứ Hợp Đồng hoặc văn kiện nào khác đã xảy ra và đang tiếp diễn; hoặc

An Event of Default by any Obligor in the performance, observance or fulfillment of any term of any other Agreement or instrument has occurred and is continuing; or

10.1.14. Xảy ra bất kỳ tình huống nào mà theo ý kiến của Ngân Hàng, được lấy làm căn cứ để tin rằng một Ảnh Hưởng Bất Lợi Nghiêm Trọng đã xảy ra và đang tiếp diễn; hoặc

Any circumstances arise which give grounds in the opinion of the Bank for belief that a Material Adverse Effect has occurred and is continuing; or

10.1.15. Bên Vay có một hoặc một số Khoản Cấp Tín Dụng khác bị chuyển sang nợ quá hạn; hoặc

The Borrower has one or certain Facilities considered as delinquent; or

10.1.16. Tài sản bảo đảm cho Khoản Tín Dụng bị giảm giá trị do Ngân Hàng xác định nhưng Bên Có Nghĩa Vụ không bổ sung tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Ngân Hàng; hoặc

The Bank considers that the value of security assets for the Facilities decreases but the Obligor does not supplement other security assets as required by the Bank; or

10.1.17. Việc duy trì Khoản Tín Dụng theo nhận định của Ngân Hàng có thể dẫn đến việc Ngân Hàng vi phạm các quy định của pháp luật, quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam; hoặc

The Bank considers that maintaining the Facilities may lead to its breach of the legal regulations and the regulations of the State Bank of Vietnam; or

10.1.18. Bên Có Nghĩa Vụ vi phạm Hợp Đồng này, Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào khác với Ngân Hàng (bao gồm nhưng không giới hạn Giấy Đề Nghị Phát Hành Thư Tín Dụng theo Điều 3.2 của Hợp Đồng này).

The Obligor breaches this Agreement, the Security Agreement and any other agreement and commitment with the Bank (including but not limited with the Application for an Irrevocable Documentary Credit in accordance with Article 3.2 of this Agreement).

10.2. Khi xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm, Ngân Hàng sẽ thực hiện:

If an Event of Default has occurred, the Bank shall:

10.2.1. thông báo cho Bên Vay về Số Tiền Cấp Tín Dụng và Khoản Tín Dụng sẽ bị chấm dứt và áp dụng biện pháp thu hồi nợ trước hạn đối với tất cả các Khoản Cấp Tín Dụng đã cấp cho Bên Vay; đồng thời nghĩa vụ cấp thêm Khoản Tiền Ứng của Ngân Hàng theo Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Cấp Vốn sẽ được ngừng ngay lập tức;

notify the Borrower the Facilities and the Facility Limit termination and apply the early collection of debts to all Advances granted to the Borrower. Simultaneously, the obligation of the Bank to make further Advances hereunder and/or in accordance with the Facility Documents shall immediately cease;

10.2.2. thu hồi nợ trước hạn.

early collection of debt.

Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Vay số tiền phải hoàn trả cho Ngân Hàng (gồm Khoản Tiền Ứng, các khoản Tiền Lãi, Tiền Lãi Quá Hạn, Tiền Phạt Do Chậm Trả Lãi, các khoản phí liên quan đến Khoản Tín Dụng, các khoản bồi thường thiệt hại, phạt do vi phạm Hợp Đồng và các chi phí, phí tổn, của Ngân Hàng khi cấp Khoản Tín Dụng cho Bên Vay) chưa được thanh toán và Bên Vay phải thanh toán theo thông báo thu hồi nợ trước hạn của Ngân Hàng;

The Bank will notify the Borrower the outstanding amount to be repaid (including the unpaid Advance, Interests, Overdue Interest, Overdue Interest Payment Penalty, fees relating to the Facilities, damages, penalties for breach of Agreement and other expenses and costs of the Bank in providing the Facilities

to the Borrower) and the Borrower must repay in accordance with notice on early collection of debt issued by the Bank;

10.2.3. ngay lập tức thực thi tất cả các quyền và biện pháp khắc phục theo Hợp Đồng này và/hoặc theo Tài Liệu Cấp Vốn và bất kỳ hoặc toàn bộ biện pháp bảo đảm áp dụng cho Khoản Tín Dụng; và

immediately enforce all rights and remedies under this Agreement and/or Facility Documents and any or all security for the Facilities; and

10.2.4. thông báo cho Bên Vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo bao gồm thời điểm chấm dứt của Số Tiền Cấp Tín Dụng, các Khoản Tiền Ứng bị thu hồi trước hạn; thời điểm của Ngày Hoàn Trả, thời điểm chuyển nợ quá hạn và mức lãi suất áp dụng đối với các Khoản Tiền Ứng bị thu hồi trước hạn.

notify the Borrower of such loan termination and early debt recovery. The minimum contents of such notification include the date of termination of the Facility Limit, the Advances subject to early collection; Repayment Debt, date of debt delinquency and interest rate applied to the Advances to be recovered prior to the due date.

10.3. Khi Ngân Hàng áp dụng biện pháp thu hồi nợ trước hạn, Bên Vay có nghĩa vụ ngay lập tức thanh toán toàn bộ các khoản tiền chưa thanh toán cho Ngân Hàng được quy định tại Hợp Đồng này và các Tài Liệu Cấp Vốn theo thời hạn được xác định trong thông báo. Ngân Hàng sẽ áp dụng Lãi Suất Cho Vay Quá Hạn vào ngày tiếp theo ngày hết thời hạn thanh toán theo thông báo nêu trên trong trường hợp Bên Vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ với Ngân Hàng.

Upon the application of the early debt collection by the Bank, the Borrower is required to immediately repay any and all unpaid amounts to the Bank as stipulated in this Agreement and the Facility Documents in accordance with the term stipulated in the notice. The Bank will apply the Delinquent Interest Rate on the subsequent day of the last day of the payment term in accordance with the notice mentioned above in the event that the Borrower fails to pay or fails to fully pay any debts owed to the Bank.

11. BÙ TRỪ/ SET-OFF

Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu bất cứ khoản tiền nào đến hạn mà Bên Vay phải thanh toán cho Ngân Hàng theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Hợp Đồng nào khác chưa được thanh toán hoặc một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn, thì Bên Vay đồng ý, ủy quyền và chỉ thị không hủy ngang và vô điều kiện cho Ngân Hàng để bù trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Ngân Hàng còn nợ Bên Vay hoặc bất kỳ khoản tiền nào mà Ngân Hàng giữ để ghi có vào (các) tài khoản của Bên Vay với khoản tiền mà Bên Vay chưa thanh toán đó hoặc tự động khấu trừ vào (các) tài khoản của Bên Vay mở tại Ngân Hàng thỏa mãn khoản tiền chưa thanh toán đó.

If at any time any sum which is due from the Borrower to the Bank under this Agreement or any other agreement is unpaid or an Event of Default has occurred and is continuing, the Borrower irrevocably and unconditionally agrees, authorizes and instructs the Bank to set off any monies

owning by the Bank to the Borrower or held by the Bank for credit of the Borrower's account(s) against the amount unpaid by the Borrower or automatically deduct from the Borrower's account(s) with the Bank towards satisfaction of the unpaid amount.

12. CHẬM TRỄ VÀ KHƯỐC TỪ/ DELAYS AND WAIVER

Việc Ngân Hàng chậm thực hiện hoặc bỏ qua không thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho Khoản Tín Dụng sẽ không làm giảm giá trị bất kỳ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục nào mà Ngân Hàng có được một cách hợp pháp hoặc sẽ không được hiểu là khước từ quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục đó.

No delay or omission by the Bank to exercise any right, power or remedy under this Agreement or any security for the Facilities shall impair any right, power or remedy legally available to the Bank nor shall it be construed as a waiver thereof.

Việc khước từ bất kỳ vi phạm đơn lẻ hoặc Sự Kiện Vi Phạm nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho Khoản Tín Dụng sẽ không được xem là khước từ bất kỳ vi phạm hoặc Sự Kiện Vi Phạm nào khác. Mọi biện pháp khắc phục được cấp cho Ngân Hàng sẽ có tính lũy kế và không phải là duy nhất. Bất kỳ khước từ, phê chuẩn, chấp thuận nào theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào áp dụng cho Khoản Tín Dụng phải được lập bằng văn bản thì mới có hiệu lực.

No delay or omission by the Bank to exercise any right, power or remedy under this Agreement or any security for the Facilities shall impair any right, power or remedy legally available to the Bank nor shall it be construed as a waiver thereof. No waiver of any single breach or Event of Default under this Agreement or any security for the Facilities shall be deemed a waiver of any other breach or Event of Default. All remedies afforded to the Bank shall be cumulative and not exclusive. Any waiver, consent, approval under this Agreement or any security for the Facilities must be in writing to be effective.

13. BẢO MẬT VÀ TIẾT LỘ THÔNG TIN/ CONFIDENTIALITY AND DISCLOSURE OF INFORMATION

13.1. Bên Vay đồng ý với Ngân Hàng rằng trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này, Bên Vay và các nhân viên, đại lý của Bên Vay không được tiết lộ dưới bất cứ hình thức nào cho bất kỳ bên thứ ba nào về các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này hoặc tình hình các giao dịch được dự liệu tại Hợp Đồng này trừ phạm vi được quy định bởi luật, tổ tụng pháp lý của tòa án hoặc bất kỳ cơ quan nhà nước nào phù hợp với luật pháp Việt Nam hoặc trừ phạm vi cần thiết để thực hiện các giao dịch được dự liệu tại Hợp Đồng này.

The Borrower agrees with the Bank that during the term of validity of this Agreement, the Borrower and the Borrower's employees and agents shall not make any disclosure of whatever nature to any third party as to the terms and conditions of this Agreement or the status of the transactions contemplated herein except to the extent required by law, court legal process or any government body pursuant to the laws of Vietnam or to the extent necessary to carry out the transactions contemplated herein.

Khi Bên Vay cần thiết phải tiết lộ thông tin theo quy định tại Điều 13.1 nêu trên, Bên Vay phải thông báo bằng văn bản cho Ngân Hàng ít nhất [_____] Ngày Làm Việc trước khi tiến hành tiết lộ thông tin. Thông báo cho Ngân Hàng ít nhất phải bao gồm nội dung về thông tin sẽ tiết lộ, người sẽ tiếp nhận thông tin tiết lộ và lý do tiết lộ thông tin, cùng các giấy tờ/tài liệu khác theo yêu cầu của Ngân Hàng tùy từng thời điểm.

In the event that the Borrower is required to disclose any information in accordance with Article 13.1 set out above, the Borrower should notify the Bank in writing at least [_____] Business Days prior to the proposed date of disclosure. The written notification to the Bank should include, to the minimum, the contents of the information proposed to be disclosed, the proposed recipients and the reasons for such disclosure, enclosed with other documents as may be required by the Bank from time to time.

- 13.2.** Bất kể có những quy định nào trái với điều khoản này, Ngân Hàng, dựa trên sự xem xét của riêng mình, có thể tiết lộ bất cứ thông tin nào về Bên Vay và Bên Bảo Lãnh cho ngân hàng mẹ, các công ty con và các công ty liên kết của Ngân Hàng và các các bộ, nhân viên hoặc người đại diện của các tổ chức kể trên mà Ngân Hàng thấy cần thiết nhằm phục vụ cho các giao dịch của Bên Vay hoặc xác nhận tính hiệu lực của bất kỳ chứng từ pháp lý nào trong điều kiện hoạt động bình thường. Bên Vay và Bên Bảo Lãnh sẽ khước từ quyền lợi của mình liên quan đến việc bảo mật thông tin riêng tư trong các trường hợp kể trên và đồng ý với việc tiết lộ thông tin được giới hạn ở đây.

Notwithstanding anything to the contrary herein, the Bank, at its sole discretion, may disclose any information about the Borrower(s) and the Guarantor(s), to the Bank's parents, subsidiaries, and affiliates, and their respective officers, employees and agents to the extent necessary for the Bank to service the account or to effectuate any legal document in the course of ordinary business. The Borrower(s) and Guarantor(s) hereby waive their respective rights to privacy and hereby consent to such limited disclosure as contemplated herein.

- 13.3.** Ngân Hàng có quyền tiết lộ cho bất cứ người nào khác:

The Bank may disclose to any other person:

- 13.3.1. mà Ngân Hàng chuyển nhượng hoặc chuyển giao (hoặc có thể sẽ chuyển nhượng hoặc chuyển giao) toàn bộ hoặc bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm cho (hoặc thông qua) những công ty/người này;

to (or through) whom that the Bank assigns or transfers (or may potentially assign or transfer) all or any of its rights and obligations under this Agreement and Security Agreements;

- 13.3.2. mà Ngân Hàng ký kết (hoặc có thể sẽ ký kết) tài trợ gián tiếp liên quan đến Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc Bên Vay hoặc Bên Bảo Lãnh, hoặc bất kỳ giao dịch nào khác với (hoặc thông qua) những công ty/người này, theo đó các khoản thanh toán được thực hiện bởi Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc Bên Vay hoặc Bên Bảo Lãnh; hoặc

with (or through) whom that the Bank enters into (or may potentially enter into) any sub-participation in relation to, or any other transaction under which payments are to be made by reference to, this Agreement and the Security Agreements or the Borrower or the Guarantor; or

13.3.3. mà luật pháp hoặc quy định đang áp dụng, và trong phạm vi như thế, yêu cầu phải tiết lộ những thông tin đó cho những công ty/người này,

to whom, and to the extent that, information is required to be disclosed by any applicable law or regulation,

bất kỳ thông tin nào về Bên Vay, Các Bên Bảo Lãnh và Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm mà Ngân Hàng cho là phù hợp.

any information about the Borrower, the Guarantors and this Agreement and the Security Agreement as the Bank shall consider appropriate.

14. HOÀN CẢNH THAY ĐỔI/ CHANGES IN CIRCUMSTANCES

14.1. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu Ngân Hàng quyết định rằng việc giới thiệu, quy định hoặc thay đổi bất kỳ luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định, lệnh, quy chế hoặc chỉ thị chính thức nào (dù có hiệu lực pháp lý hay không), hoặc bất kỳ thay đổi nào về cách diễn giải hoặc áp dụng luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định, lệnh, quy chế hoặc chỉ thị chính thức đó, hoặc việc tuân thủ bất kỳ yêu cầu nào (dù có hiệu lực pháp lý hay không) của bất kỳ ngân hàng trung ương nào hoặc cơ quan tư pháp, cơ quan tiền tệ khác hoặc các cơ quan thẩm quyền khác:

If, at any time, the Bank determines that the introduction, imposition or variation of any law, ordinance, decree, circular, decision, order, regulation or official directive (whether or not having the force of law), or any change in the interpretation or application thereof, or compliance with any request (whether or not having the force of law) from any central bank or other fiscal, monetary or other authority:

14.1.1. làm cho việc Ngân Hàng cấp bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào hoặc duy trì, cấp vốn hoặc tạo hiệu lực cho các nghĩa vụ của Ngân Hàng theo Hợp Đồng này trở nên bất hợp pháp hoặc không thể thực hiện được; hoặc

makes it unlawful or impractical for the Bank to make any Advance or maintain, fund or give effect to its obligations hereunder; or

14.1.2. làm tăng chi phí của Ngân Hàng trong việc lập, cấp hoặc duy trì Khoản Tín Dụng hoặc bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào; hoặc

increases the cost to the Bank of making, issuing or maintaining the Facilities or any Advance; or

14.1.3. làm giảm bất kỳ khoản tiền nào mà Ngân Hàng được nhận hoặc phải thu liên quan đến Khoản Tín Dụng hoặc bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào; hoặc

reduces the amount of any sum received or receivable by the Bank in respect of the Facilities or any Advances; or

14.1.4. ấn định bất kỳ thuế, đánh thuế hoặc khoản thuế nào dưới bất cứ tính chất nào (kể cả nhưng không giới hạn thuế khấu lưu tiền lãi) áp dụng cho bất kỳ khoản tiền nào Ngân Hàng phải thanh toán cho hoặc liên quan đến Khoản Tín Dụng hoặc bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào,

without limitation to (a) or (b) or (c) above, imposes any tax, levy or duty of any nature whatsoever (including, without limitation, an interest withholding tax) on any amounts payable by the Bank in respect of or in connection with the Facilities or any Advance,

thì Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Vay về hoàn cảnh dẫn đến quyết định như vậy và Bên Vay sẽ:

then the Bank will notify the Borrower of the circumstances leading to such determination and the Borrower will:

(a) khi được yêu cầu, thanh toán cho Ngân Hàng các khoản tiền do Ngân Hàng đã cấp tại từng thời điểm và tại bất kỳ thời điểm nào thông báo cho Bên Vay mà cần thiết để bồi hoàn cho Ngân Hàng về chi phí, khoản giảm bớt, thanh toán, khấu lưu hoặc khấu trừ thêm như vậy hoặc để làm cho Ngân Hàng có thể tuân thủ luật pháp áp dụng; và

on demand, pay to the Bank such amounts as the Bank grants from time to time and at any time notify the Borrower to be necessary to compensate the Bank for such additional cost, reduction, payment, withholding or deduction or to enable the Bank to comply with applicable law; and

(b) khi được yêu cầu, thanh toán trước mọi Khoản Tiền Ứng còn tồn đọng cùng với các khoản tiền lãi, tiền phạt, phí phát sinh và tất cả các khoản tiền khác phải trả theo Hợp Đồng này vào ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi tiếp theo và việc tiếp tục giải ngân Khoản Tín Dụng sẽ bị hủy bỏ.

on demand, prepay on the last day of the next Interest Period all outstanding Advances together with accrued interest, penalties and fees and all other amounts payable under this Agreement and the disbursement of the Facilities shall be cancelled.

14.2. Bất kỳ quyết định hoặc thông báo nào của Ngân Hàng về bất kỳ vấn đề nào được đề cập trong khoản này nếu không có lỗi rõ ràng sẽ là bằng chứng chung cuộc liên quan đến vấn đề đó và sẽ có tính ràng buộc Bên Vay.

Any determination or notification by the Bank concerning any matter referred to in this clause will, in the absence of manifest error, be conclusive evidence as to that matter and will be binding on the Borrower.

15. BỒI HOÀN/ INDEMNITIES

15.1. Theo bất kỳ luật pháp áp dụng nào, dù do một phán quyết đưa ra cho Bên Vay hoặc do Bên Vay phá sản hoặc thanh lý hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, nếu bất kỳ khoản thanh toán nào theo hoặc liên quan đến Hợp Đồng này được thực hiện hoặc thu được bằng loại

tiền tệ không phải là USD thì trong phạm vi khoản thanh toán (khi được quy đổi sang USD theo tỷ giá hối đoái vào ngày thanh toán) cho Ngân Hàng đó không đủ trả cho khoản tiền chưa được thanh toán theo Hợp Đồng này, thì Bên Vay sẽ bồi hoàn cho Ngân Hàng khoản chênh lệch thiếu đó như là một nghĩa vụ riêng và độc lập. Vì mục đích của khoản này, *tỷ giá hối đoái* có nghĩa là tỷ giá mà vào ngày liên quan Ngân Hàng có thể mua USD bằng loại tiền tệ khác đó.

*If, under any applicable law, whether as a result of a judgment against the Borrower or the Borrower's bankruptcy or liquidation or for any other reason, any payment under or in connection with this Agreement is made or is recovered in a currency other than USD then, to the extent that the payment (when converted into USD at the rate of exchange on the date of payment) to the Bank falls short of the amount unpaid under this Agreement, the Borrower will as a separate and independent obligation, indemnify the Bank against the amount of the shortfall. For the purposes of this clause **rate of exchange** means the rate at which the Bank is able on the relevant date to purchase USD with that other currency.*

- 15.2. Bên Vay sẽ bồi hoàn cho Ngân Hàng, khi được yêu cầu, về việc cấp vốn, các phí tổn hoặc chi phí khác mà Ngân Hàng đã chịu do hậu quả của việc:

The Borrower shall indemnify on demand the Bank against any funding, other costs or expense incurred by the Bank as a consequence of:

- 15.2.1. bất kỳ Khoản Tiền Ứng nào chưa được thực hiện vì bất kỳ lý do nào (ngoại trừ do vi phạm của Ngân Hàng) vào ngày được nêu trong các văn bản liên quan đến Yêu Cầu Ứng Vốn;

any Advance not being made for any reason (except for the Bank's default) on the date specified in the documents relating to the Loan Disbursement Request,

- 15.2.2. Ngân Hàng nhận được bất kỳ Khoản Tiền Ứng, các khoản Tiền Lãi nào vào ngày không phải vào ngày cuối cùng của Giai Đoạn Tính Lãi; hoặc

the receipt by the Bank of any Advance and Interest on the date other than the last day of its Interest Period, or

- 15.2.3. Bên Vay vi phạm trong việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn theo Hợp Đồng này.

default in payment by the Borrower of any sum when due under this Agreement

16. **BẰNG CHỨNG NỢ/ EVIDENCE OF DEBT**

- 16.1. Các tài khoản được Ngân Hàng duy trì liên quan đến Hợp Đồng này nếu không có lỗi rõ ràng hoặc bằng chứng mâu thuẫn sẽ là bằng chứng chung cuộc của các khoản tiền còn nợ Ngân Hàng.

The accounts maintained by the Bank in connection with this Agreement shall, in the absence of manifest error or evidence to contrary, be conclusive evidence of sums owing to the Bank

- 16.2. Trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào liên quan đến Hợp Đồng này, một bảng kê về bất kỳ khoản tiền nào đến hạn mà Bên Vay phải thanh toán do Ngân Hàng phát hành, nếu không có lỗi rõ ràng, sẽ là bằng chứng về việc khoản tiền đó thật sự đến hạn và phải thanh toán.

In any proceedings relating to this Agreement a statement as to any amount due to the Bank is issued by the Bank, which, in the absence of manifest error, will be evidence that such amount is in fact due and payable.

17. **KHÔNG CÓ HIỆU LỰC TỪNG PHẦN/ PARTIAL INVALIDITY**

- 17.1. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng này là hoặc trở nên bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có tính buộc thực thi trên bất kỳ phương diện nào, thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc tính bắt buộc thực thi của các quy định còn lại trong Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng hoặc bị làm giảm giá trị.

If, at any time, any provision hereof is or becomes illegal, invalid or unenforceable in any respect, the legality, validity or enforceability of the remaining provisions hereof shall not be affected or impaired.

- 17.2. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu các bên thỏa thuận thay đổi các điều khoản và điều kiện của Khoản Tín Dụng, thì các bên sẽ ký kết Bản Sửa Đổi Hợp Đồng Tín Dụng Trung Dài Hạn nhằm mục đích đó, và Bản Sửa Đổi Hợp Đồng Tín Dụng Trung Dài Hạn sẽ là một phần không tách rời Hợp Đồng này.

*If, at any time, the parties agree upon certain changes to the terms and conditions of the Facilities, the parties shall sign an Amendment to Agreement to that effect, and the Amendment to **Medium-term and Long-term Loans Facility Agreement** shall be an integral part of this Agreement.*

18. **LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ QUYỀN XÉT XỬ/ GOVERNING LAW AND JURISDICTION**

- 18.1. Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích phù hợp với luật pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

This Agreement shall be governed by and construed in accordance with the laws of the Socialist Republic of Vietnam.

- 18.2. Bất kỳ hành động hoặc thủ tục tố tụng pháp lý nào liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được tiến hành tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam. Không có quy định nào trong Hợp Đồng này ảnh hưởng đến quyền của Ngân Hàng trong việc đưa đơn kiện dưới bất kỳ cách thức nào khác được luật pháp cho phép hoặc tiến hành thủ tục tố tụng pháp lý hoặc tiến hành bằng cách khác để buộc thực thi Hợp Đồng này tại bất kỳ cơ quan xét xử nào khác.

Any legal action or proceeding with respect to this Agreement may be brought in the People's Courts of Vietnam. Nothing herein shall affect the right of any the Bank to serve process in any other manner permitted by law or to commence legal proceedings or otherwise proceed to enforce this Agreement in any other jurisdiction.

- 18.3. Trong trường hợp bất kỳ biện pháp bảo đảm nào được áp dụng đối với Hợp Đồng này được tiến hành ở nước ngoài, Ngân Hàng có quyền nộp đơn kiện lên bất kỳ tòa án nào

có thẩm quyền xét xử tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài để buộc thực thi biện pháp bảo đảm đó.

Where any security for this Agreement is taken from abroad, the Bank may petition to any court of jurisdiction in Vietnam or abroad to enforce such security.

19. CHUYỂN NHƯỢNG/ ASSIGNMENT

19.1. Hợp Đồng này có tính ràng buộc (những) bên thế vị, người được chuyển nhượng, đại diện pháp luật, người nhận ủy thác, người quản lý, người cơ cấu lại và người thanh lý tương ứng của Các Bên Có Nghĩa Vụ.

This Agreement shall be binding upon the respective successor(s), assignee(s), legal representative(s), trustee(s), administrator(s), reorganizer(s), and liquidator(s) of the Obligors.

19.2. Bên Vay không được chuyển nhượng Hợp Đồng này nếu không được Ngân Hàng chấp thuận trước.

This Agreement may not be assigned by the Borrower without the prior consent of the Bank.

19.3. Ngân Hàng có quyền chuyển nhượng tất cả hoặc bất kỳ quyền nào của mình đối với Khoản Tín Dụng theo Hợp Đồng này cùng với các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này và Hợp Đồng Bảo Đảm cho bất kỳ bên thứ ba nào khác sau khi đưa ra thông báo trước bảy (07) ngày cho Bên Vay.

The Bank may assign all or any of its rights in respect of the Facilities hereunder together with its rights and obligations under this Agreement and the Security Agreements to any third party on provision of seven (7) days notice to the Borrower.

20. THÔNG BÁO/ NOTICES

Mọi thông tin liên lạc theo Hợp Đồng này và các Tài Liệu Cấp Vốn phải được thực hiện bằng văn bản trừ khi được quy định khác, được thực hiện bằng fax hoặc gửi thư cho người nhận tại địa chỉ hoặc số fax được ghi cùng với tên người nhận như trên, và sẽ được xem là đã được thực hiện hoặc đã giao nếu việc chuyển thông tin liên lạc đó được xác nhận bằng giấy báo nêu rõ số trang chính xác đã được chuyển và thể hiện rằng việc chuyển này đã được thực hiện hợp lệ và không bị báo lỗi (trong trường hợp gửi bằng fax) hoặc nếu được để tại địa chỉ trên (trong trường hợp được gửi bằng thư).

Each communication to be made hereunder and the Facility Documents shall be made in writing but, unless otherwise stated, may be made by facsimile or letter to the addressee at the address or facsimile number identified with its name above and shall be deemed to have been made or delivered when transmission thereof is confirmed by an activity report stating the correct number of pages sent and indicating that such transmission was transmitted error free and legibly (in the case of any communication made by facsimile) or (in the case of any communication made by letter) when left at that address.

Ngân Hàng và Bên Vay sẽ gửi cho nhau thông báo xác nhận thông tin liên lạc của mỗi Bên để trao đổi, cung cấp các tài liệu, văn bản với nhau nhằm mục đích thực hiện hoặc theo yêu cầu hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sau khi Hợp Đồng này được ký kết.

The Bank and the Borrower will send each other written notice confirming their respective contact information as follows in order to exchange and provide documents to each other for the performance of or as requested by or relating to, this Agreement subsequent to the execution of this Agreement.

21. CHI PHÍ/ EXPENSES

Mọi phí tổn và chi phí (kể cả phí tư vấn pháp lý) mà Ngân Hàng có thể phải chịu liên quan đến việc gia hạn hoặc buộc thực thi Khoản Tín Dụng này và bất kỳ vấn đề liên quan nào phát sinh sẽ được Bên Vay hoàn lại khi được yêu cầu.

All costs and expenses (including legal fees) which may be incurred by the Bank in connection with the extension and enforcement of these Facilities and any related matters arising are to be reimbursed by the Borrower on demand.

22. THAY ĐỔI LUẬT/ CHANGES IN LAW

Các điều khoản sau đây, dù không được áp dụng vào ngày ghi trên Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Cấp Vốn và/hoặc các phụ lục sửa đổi của Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Cấp Vốn, sẽ được áp dụng trong trường hợp có thay đổi về luật định hoặc thay đổi khác trong tương lai.

The following terms, although not applicable as at the date of this Agreement and/or the Facility Documents and/or the addenda to this Agreement and/or the Facility Documents, will apply in the event of future regulatory or other changes.

22.1. Thuế/ Taxes

Bất kỳ thuế hoặc lệ phí chứng từ, trước bạ, đăng ký có bản chất là một khoản thuế mà có thể phải nộp hoặc được áp dụng trong tương lai đối với Hợp Đồng này và bất kỳ (các) thuế nào khác được ấn định cho Khoản Tín Dụng kể cả các khoản thuế mà Ngân Hàng có thể phải nộp cho việc lập hoặc duy trì Khoản Tín Dụng được thanh toán cho Ngân Hàng.

Any documentary, stamp registration taxes or charges in nature of tax which may in future become payable or applicable to this Agreement and any other tax or taxes assessed in respect of the Facilities including such taxes as may be payable by the Bank as a result of making or maintaining the Facilities are for the account of the Borrower.

22.2. Phê Chuẩn Nhà Nước/ Government Approval

Trong trường hợp luật pháp yêu cầu hoặc theo ý kiến hợp lý của Ngân Hàng thấy cần thiết rằng Bên Vay cần phải xin bất kỳ ủy quyền, phê chuẩn, chấp thuận hoặc giấy phép nào của chính phủ để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này (kể cả nhưng không giới hạn việc thanh toán bằng ngoại tệ), thì Bên Vay phải nhanh chóng xin ủy quyền, phê chuẩn, chấp thuận hoặc giấy phép đó và ký mọi tài liệu, thỏa thuận, thông báo, đơn xin hoặc các giấy tờ cần thiết khác dưới bất kỳ bản chất nào mà có thể được yêu

cầu hoặc cần thiết liên quan đến ủy quyền, phê chuẩn, chấp thuận hoặc giấy phép nói trên.

If it is required by law or desirable in the Bank's reasonable opinion for the Borrower to seek any governmental authority, consent, approval, or licences in order to perform the Borrower's obligations hereunder (including but not limited to settlement of payment in foreign currency), the Borrower will promptly apply for the same and sign all such documents, agreements, notices, applications or other required papers of whatever nature as may be required or desirable in connection therewith.

23. KHÔNG KHUỐC TỪ CÁC QUYỀN/ NO WAIVER OF RIGHTS

Các quyền của Ngân Hàng theo Hợp Đồng này hình thành các quyền riêng và độc lập ngoài các quyền khác mà Ngân Hàng có thể có đối với Bên Vay theo các Hợp Đồng khác (kể cả nhưng không giới hạn Thỏa Thuận Thương Mại Chung). Ngân Hàng được tự do thực thi bất kỳ quyền nào mà Ngân Hàng có thể chọn lựa để áp dụng cho Bên Vay.

The Bank's rights under this Agreement constitute separate and independent rights that are in addition to other rights that the Bank may have against the Borrower under other agreements (including, but not limited to, the General Commercial Agreement). The Bank is free to enforce whichever rights the Bank may choose against the Borrower.

24. HIỆU LỰC VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG/ VALIDITY AND EXECUTION

24.1. Các mẫu tài liệu chuẩn của Ngân Hàng như được điều chỉnh tại từng thời điểm và được đề cập tại Hợp Đồng này và/hoặc các Tài Liệu Cấp Vốn và/hoặc Thỏa Thuận Thương Mại Chung và/hoặc các Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này được ký kết giữa Ngân Hàng và Bên Vay (gọi chung là “**Các Hợp Đồng**”) cùng tạo thành một bộ hợp đồng hoàn chỉnh không thể tách rời.

*The Bank's various standard form documents as amended from time to time and referred to in this Agreement and/or the Facility Documents and/or the General Commercial Agreement and/or any addenda or supplements to this Agreement entered into between the Bank and the Borrower (together the “**Agreements**”) collectively form a full and integral set of agreements.*

24.2. Các Hợp Đồng phải do những người ký tên được ủy quyền hợp lệ của Bên Vay ký và nộp cho Ngân Hàng. Bên Vay bảo đảm rằng những người ký tên vào Các Hợp Đồng này được Bên Vay ủy quyền đầy đủ để ký và ràng buộc Bên Vay.

The Agreement must be signed by the Borrower's duly authorized signatories and submitted to the Bank. The Borrower warrants that the signatories of these Agreements are fully authorized by it to sign and bind the Borrower.

24.3. Ngân Hàng có quyền không thực hiện bất kỳ giải ngân nào hoặc không phát hành bất kỳ Tín Dụng Chứng Từ nào hoặc không cấp bảo lãnh liên quan đến bất kỳ Hợp Đồng nào trong Các Hợp Đồng mà theo quan điểm của Ngân Hàng là không được ký hợp lệ hoặc không phù hợp. Bên Vay đồng ý rằng mỗi Hợp Đồng trong Các Hợp Đồng (kể cả Thỏa Thuận Thương Mại Chung của Ngân Hàng) được Bên Vay ghi đầy đủ và ký hợp lệ, cùng

với Hợp Đồng này sẽ hình thành chung một Hợp Đồng giữa Bên Vay và Ngân Hàng. Trường hợp có mâu thuẫn giữa Hợp Đồng này và Thỏa Thuận Thương Mại Chung đối với cùng một vấn đề được điều chỉnh thì nội dung Hợp Đồng này được ưu tiên áp dụng trong phạm vi sự mâu thuẫn đó.

The Bank reserves the right not to effect any drawings or to issue any Documentary Credits or guarantees in relation to any Agreement which is, in the Bank's view, not duly executed or appropriate. The Borrower agrees that each of the Agreements (including the Bank's General Commercial Agreement) duly completed and executed by the Borrower, together with this Agreement, will together constitute a contract between the Borrower and the Bank. If there is any conflict between this Agreement and the General Commercial Agreement with respect to an issue governed by this Agreement and the General Commercial Agreement, this Agreement shall prevail to the extent of such conflict.

24.4. Hợp Đồng này có hiệu lực vào ngày ký.

This Agreement is effective as from the date of execution.

24.5. Hợp Đồng này gồm ____ trang, được lập thành hai (2) bản, Ngân Hàng và Bên Vay mỗi bên giữ một (1) bản.

Hợp Đồng này và các Tài Liệu Cấp Vốn kèm theo Hợp Đồng này được lập song ngữ bằng tiếng Anh và tiếng Việt; trong trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Anh và nội dung tiếng Việt thì nội dung tiếng Việt có giá trị áp dụng và là căn cứ pháp lý để giải quyết các quyền và nghĩa vụ của Bên Vay và Ngân Hàng theo Hợp Đồng này và các Tài Liệu Cấp Vốn.

This Agreement is made in ____ pages, two (2) copies, the Bank and the Borrower keep a copy of each respectively.

This Agreement and the Facility Documents attached to this Agreement are made in bilingual copie in English and Vietnamese; in the event of any inconsistency between the English and the Vietnamese contents, the Vietnamese content will prevail and will be the legal basis for resolving the rights and obligations of the Borrower and the Bank in accordance with this Agreement and the Facility Documents.

Để làm chứng, Hợp Đồng này đã được Ngân Hàng và Bên Vay tham gia vào Hợp Đồng này ký vào ngày được ghi đầu tiên ở trên.

In witness thereof this Agreement has been executed by the Bank and the Borrower hereto on the date first above written.

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT CHO
SIGNED AND SEALED FOR AND ON BEHALF OF
NGÂN HÀNG SINOPAC-CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH
BANK SINOPAC-HO CHI MINH CITY BRANCH

Ông/ Mr. _____

Tổng Giám Đốc/ General Director

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU ĐẠI DIỆN VÀ THAY MẶT CHO

SIGNED AND SEALED FOR AND ON BEHALF OF

[TÊN CÔNG TY]

[BORROWER NAME]

Ông/Mr. _____

Chức vụ/ Title: _____